CAMIMEX GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/CBTT.CMG.23

Cà Mau, ngày 19 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM.

- Tên tổ chức : **CÔNG TY CP CAMIMEX GROUP**
- Mã chứng khoán : **CMX**
- Địa chỉ trụ sở chính : 333 Cao Thắng, K.7, Phường 8, TP.Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : 02903.831608 ; Fax: 02903.580827
- Người thực hiện CBTT: Bùi Sĩ Tuấn - Người đại diện theo pháp luật.
- Loại thông tin công bố : ☑ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Báo cáo thường niên 2022 Công ty CP Camimex Group.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2023 tại đường dẫn sau: https://camimex.com.vn/vi/bao-cao-thuong-nien-nam-2022.html

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
CAMIMEX GROUP
MSDN: 2000103908
TP. CÀ MAU - T. CÀ MAU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Bùi Sĩ Tuấn

Nơi nhận
- Như K/gửi
- Lưu CBTT

Vui lòng tải hoặc xem
Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Camimex Group tại:
Link: www.camimex.com.vn

Hoặc quét mã QR dưới đây

Địa chỉ

333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8,
thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Liên hệ

Số điện thoại: (0290) 3831608
Số fax: (0290) 3836 257
Email: cmc@camimex.com.vn

CAMIMEX

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022

MỤC LỤC

01 Thông tin chung

02 Tình hình hoạt động trong năm

03 Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

04 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

05 Quản trị công ty

06 Báo cáo tài chính kiểm toán

“SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG TỪ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI”

ĐIỂM NHẤN NĂM 2022

77,54 Triệu USD

Kim ngạch xuất khẩu

8.857,22 Tấn

Sản lượng sản xuất

2.900.108 Triệu đồng

Doanh thu thuần

90.879 Triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế

05 công ty con - **02** công ty liên kết

Hệ thống quản lý

1.335 người

Số lượng người lao động

Thông tin chung

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Tên viết tắt	: Camimex Group
Mã cổ phiếu	: CMX
Giấy chứng nhận ĐKDN	: số 2000103908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 12/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 22/08/2022
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 1.018.989.900.000 đồng

Vốn điều lệ

1.018.989.900.000 VNĐ

Số điện thoại	: (0290) 383 1608
Số fax	: (0290) 383 6257
Website	: www.camimex.com.vn
Trụ sở chính	: 333 Cao Thắng, khóm 7, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Logo	CAMIMEX CAMIMEX GROUP

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1977

Công ty Cổ phần Camimex Group trước đây là Công ty Chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau – tiền thân là Xí nghiệp đông lạnh Cà Mau, được thành lập vào ngày 13/09/1977. Là một trong những công ty đầu tiên và đứng vị trí thứ 25 của ngành thủy sản Việt Nam với công suất ban đầu là 600 tấn/năm.

1993

Công ty đổi tên thành Công ty Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (CAMIMEX GROUP) và chuyển đổi cơ chế công ty từ tập trung bao cấp sang thị trường để đáp ứng kịp thời sự phát triển của nền kinh tế nước nhà.

2005

Công ty thực hiện cổ phần hóa và chính thức đổi tên thành "CTCP Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau".

2010

Công ty được Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu và chính thức giao dịch vào ngày 09/11/2010 với mã chứng khoán là CMX.

2011

Ngày 20/11/2011, Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (CAMIMEX GROUP) đã hoàn tất thoái vốn nhà nước và chính thức trở thành doanh nghiệp 100% vốn đầu tư tư nhân.

2018

Để phù hợp với sự phát triển của Công ty trong giai đoạn hiện nay, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thống nhất quyết định đổi tên công ty thành CTCP Camimex Group (viết tắt là CAMIMEX GROUP).

2019

Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 264 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2020

Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành ESOP, nâng vốn điều lệ từ 264 tỷ đồng lên 304 tỷ đồng.

Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu, trái phiếu riêng lẻ với mục đích tăng vốn lưu động mở rộng sản xuất, nâng vốn điều lệ từ 304 tỷ đồng lên 908 tỷ đồng.

Thành lập Công ty TNHH Camimex Farm với mục đích đầu tư nghiên cứu, sản xuất thủy sản công nghệ cao.

2021

Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành ESOP, nâng vốn điều lệ từ 264 tỷ đồng lên 304 tỷ đồng.

2022

Công ty tăng vốn điều lệ từ 908 tỷ đồng lên gần 1.019 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;

  Chi tiết: Chế biến thủy sản các loại. Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm. Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.

- Nuôi trồng thủy sản biển (Nuôi tôm);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Địa bàn hoạt động

Công ty CP Camimex Group ("CAMIMEX") có trụ sở chính tại số 333 đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Công ty hiện có 3 xí nghiệp sản xuất chế biến thủy sản tại Cà Mau với tổng công suất là 18.800 tấn/năm bao gồm:

- Camimex Corp - Chi Nhánh Xí Nghiệp 2, tại Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau; Code EU: DL25
- Camimex Corp - Chi Nhánh Xí Nghiệp 4, tại 224 Cao Thắng, Khóm 7, P. 8, Tp. Cà Mau, Code EU: DL178
- Camimex Corp - Chi Nhánh Xí Nghiệp 5, tại 999 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Tp. Cà Mau, Code EU: DL351

Ngoài ra, Công ty còn có văn phòng đại diện tại địa chỉ 02 Đường Số 28, Phường An Phú, Khu đô thị An Phú An Khánh, TP.Thủ Đức, Hồ Chí Minh, Việt Nam.

"Với hơn 45 năm kinh nghiệm, CAMIMEX đã khẳng định được vị thế của mình với mạng lưới khách hàng rộng khắp ở nhiều quốc gia trên thế giới. Hiện nay, sản phẩm của CAMIMEX đã được phân phối tại 25 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau. Trong đó, thị trường lớn nhất của công ty là các quốc gia thuộc EU như Thụy Sĩ, Đức, Hà Lan và nhiều quốc gia khác."

CÁC SẢN PHẨM CHỦ LỰC CỦA CÔNG TY

Sản phẩm tôm tươi

Tôm nguyên con (HOSO) đông Semi - IQF, tôm HLSO (tôm lặt đầu còn vỏ (HLSO) đông IQF, tôm lột vỏ chừa đuôi (PTO) đông IQF, PD (tôm lột hết vỏ) đông IQF, HLSO Block,...

Sản phẩm tôm giá trị gia tăng

Tôm Nobashi, tôm tẩm bột, tôm tẩm bột chiên, tôm trộn gia vị, tôm xẻ bướm, tôm cuộn bánh tráng, tôm tempura, PD xiên que đông IQF, PD xiên que hấp đông IQF,..

Sản phẩm tôm sinh thái

Tôm sinh thái là tôm nuôi kháng thuốc tự nhiên không cho thức ăn công nghiệp và không dùng thuốc kháng sinh trên những nông trại rừng Đước tại Lâm Ngư Trường. Tôm được chế biến dưới dạng tươi hay hấp PD, PTO, HLSO,... bằng những dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn vệ sinh

Sản phẩm tôm hấp

Tôm nguyên con (HOSO) hấp đông IQF, tôm nguyên con xiên que hấp đông IQF, tôm lặt đầu còn vỏ (HLSO) hấp đông IQF, tôm lột vỏ còn đuôi (PTO) hấp đông IQF, PD hấp đông IQF,...

CÁC CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY

STT	Tên chứng nhận	Điều kiện cấp chứng nhận
1	BAP Factory	Có nhà máy hiện đại đáp ứng được tiêu chuẩn Mỹ về thực phẩm
2	BAP Farm	Có Farm hiện đáp ứng được tiêu chuẩn Mỹ về thực phẩm về nuôi trồng thuỷ sản
3	BRC DL 25, BRC DL 178	Có nhà máy hiện đại đáp ứng được tiêu chuẩn Châu Âu, Mỹ về thực phẩm.
4	Bio suisse Organic	Có nhà máy, có hệ thống farm, có trại giống và nuôi trồng đúng tiêu chuẩn EU Organic của Châu Âu, Thuỵ Sĩ
5	EU Organic	Có nhà máy, có hệ thống farm, có trại giống và nuôi trồng đúng tiêu chuẩn EU Organic, của Châu Âu
6	NATURLAND Factory	Có nhà máy đúng tiêu chuẩn EU Organic, Bio Suisse Organic, Naturland Organic của Châu Âu
7	NATURLAND Farm	Có có hệ thống farm, có trại giống và nuôi trồng đúng tiêu chuẩn EU, Bio Suisse Organic, Naturland Organic của Thuỵ Sĩ và Châu Âu
8	NATURLAND Hatchery	Có Trại giống đạt tiêu chuẩn Narturland, Eu Organic, công suất lớn, hiện đại.
9	HALAL	Có nhà máy hiện đại đáp ứng đủ tiêu chuẩn hồi giáo
10	ASC, ASC-CoC	Có nhà máy, farm, trại giống hiện đại đáp ứng được tiêu chuẩn EU về thực phẩm
11	IFS	Có nhà máy hiện đại đáp ứng được tiêu chuẩn EU về thực phẩm

CÁC LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA CÔNG TY

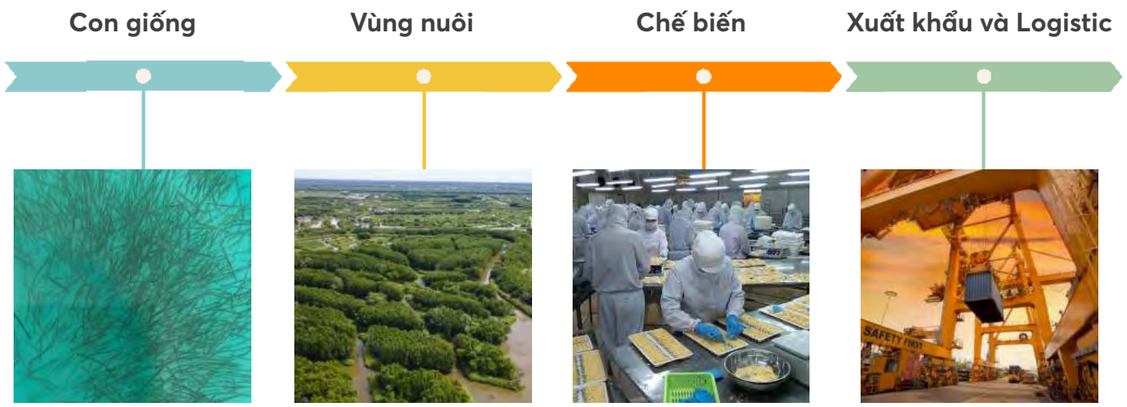

Chuỗi giá trị tôm khép kín

Con giống: Trại giống sinh thái: gần 7 ha 408 triệu Post/năm

Vùng nuôi:

Khu nuôi sinh thái: 790,5 ha, sản lượng 227 tấn/ năm.

Liên kết nông hộ: 6.034 ha; sản lượng 1.859 tấn/ năm.

Diện tích liên kết có thể mở rộng lên 50.000 ha.

Khu nuôi công nghiệp: dự kiến được bàn giao đất trong quý 2.2023

Chế biến:

Công suất: 11.600 tấn/ năm.

Năm 2023 mở rộng lên 18.800 tấn/năm

Kho vật tư: 1.554 m^2

Nhân lực: 1.200 công nhân lành nghề

Xuất khẩu và Logistics:

Kho lạnh: trên 2.850 tấn thành phẩm tại Cà Mau

Sản phẩm được xuất khẩu hơn 25 quốc gia và vùng lãnh thổ

Lợi thế về chất lượng sản phẩm

CAMIMEX là một trong những doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới đạt chứng nhận Organic cho chuỗi sản xuất hữu cơ, từ trại giống, vùng nuôi đến sản phẩm (từ con giống đến bàn ăn). CAMIMEX cũng là doanh nghiệp duy nhất ở Việt Nam đạt được chứng nhận Organic này.

(1) Chứng nhận EU Organic cho chuỗi sản xuất hữu cơ được cấp bởi Control Union Certifications của Liên minh Châu Âu, đảm bảo quy trình nuôi trồng tôm từ con giống đến tôm trưởng thành, nhà máy chế biến tuân thủ theo bộ tiêu chuẩn EU Organic (EC 834/2007 và 889/2008).

(2) Chứng nhận hữu cơ của hiệp hội Naturland Đức cho chuỗi sản xuất hữu cơ, đối với tôm, ngoài việc tuân thủ các tiêu chuẩn hữu cơ, doanh nghiệp nuôi tôm còn cần tuân thủ cơ chế quản trị môi trường dựa trên yêu cầu thị trường, trong đó bảo vệ rừng ngập mặn là một yêu cầu bắt buộc. Tôm sinh thái được cấp chứng nhận Naturland, Bio Suisse khi xuất khẩu vào thị trường Thụy Sĩ, giúp người nuôi tôm được hưởng lợi từ việc xuất khẩu tôm được cấp chứng nhận này.

(3) Mật độ thả con giống của CAMIMEX chỉ khoảng 1 - 2 con/m^2 nhỏ hơn rất nhiều so với mức tối đa mà Naturland cho phép 15 con/m^2

Với sản phẩm tôm sinh thái tỷ lệ lợi nhuận doanh nghiệp thu được sẽ cao hơn 30% so với sản phẩm tôm công nghiệp. Hơn nữa, giá cả và nhu cầu sản phẩm tôm sinh thái ổn định và tốt hơn so với tôm công nghiệp.

CÁC LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Lợi thế về công nghệ

Dây chuyền máy móc của CMX liên tục được nâng cấp, áp dụng các cải tiến kỹ thuật. Đặc biệt, hơn 90% máy móc thiết bị của Công ty được sản xuất theo công nghệ Nhật Bản, làm giảm hao hụt trong quá trình chế biến thành phẩm so với công nghệ đến từ các nước khác. Cụ thể, tỷ lệ hao hụt chưa tới 3% trong khi tỷ lệ trung bình của các doanh nghiệp cùng ngành lên đến 5%.

Lợi thế về hệ thống khách hàng lớn

Công ty đã có hơn 45 năm hoạt động kinh doanh trong ngành thủy sản dược thừa hưởng một mạng lưới khách hàng, đa dạng. Hiện tại, các sản phẩm của Công ty đã có mặt trên 25 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, thị trường lớn nhất của Công ty là ở EU (Thụy Sỹ, Đức, Hà Lan, ...). Do vậy, Công ty đang tích cực nâng cao công suất để đáp ứng cho các đơn hàng.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty Cổ phần Camimex Group là công ty cổ phần tổ chức theo mô hình quản trị, gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Đại hội đồng Cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo Luật pháp Việt Nam và Điều lệ tổ chức hoạt động của CMX. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản trị của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

Ban kiểm soát: Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc: Là ban có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của Ngành, Điều lệ, quy chế và quy định của Công ty.

Cơ cấu bộ máy quản lý

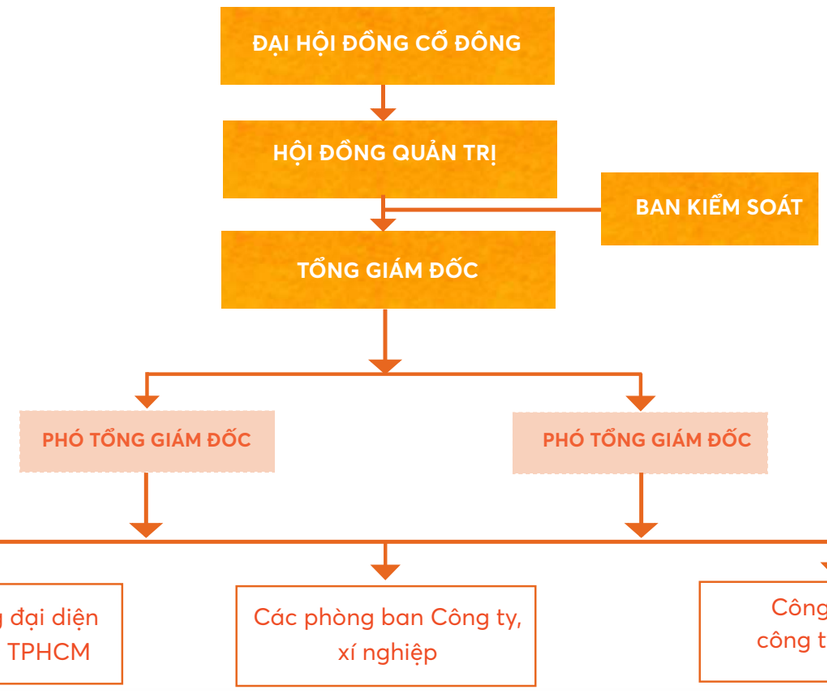

Công ty con

Công ty Cổ phần Camimex

Địa chỉ	Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Vốn điều lệ	630.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của CMX	76,69%
Ngành nghề kinh doanh chính	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản

Công ty TNHH Camimex Organic (i)

Địa chỉ	Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
Vốn điều lệ	50.500.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của CMX	19,8%
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất, kinh doanh nuôi giống tôm

Công ty Cổ phần Camimex Logistic

Địa chỉ	33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	15.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của CMX	86,67%
Ngành nghề kinh doanh chính	Cho thuê kho đông lạnh, vận chuyển hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Công ty Cổ phần Camimex Foods (ii)

Địa chỉ	969 Lý Thường Kiệt, phường 6, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Vốn điều lệ	300.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của CMX	83,3%
Ngành nghề kinh doanh chính	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản

Công ty TNHH Camimex Farm (iii)

Địa chỉ	Ấp Nam Chánh, Xã Tân Dân, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau
Vốn điều lệ	453.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của CMX	44,44%
Ngành nghề kinh doanh chính	Nuôi tôm

(i) Công ty nắm giữ 19,8% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Camimex Organic và 79,21% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Camimex.

(ii) Công ty nắm giữ 83,3% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty Cổ phần Camimex Foods và 16,67% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Camimex.

(iii) Công ty nắm giữ 44,15% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty Cổ phần Camimex Farm và 55,19% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Camimex.

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex (tên cũ là Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex)

Địa chỉ	Ấp 1, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Vốn điều lệ	180.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của CMX	38,11%
Ngành nghề kinh doanh chính	Nuôi tôm

Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị

Địa chỉ	Trại sản xuất giống thủy sản mặn lợ Cửa Tùng, Thị trấn Cửa Tùng, Huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị
Vốn điều lệ	10.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của CMX	49%
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất giống thủy sản, nuôi tôm, nuôi cá, nuôi thủy sản khác

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Ban Lãnh đạo của công ty đang hướng đến mục tiêu xây dựng một Tập đoàn với nhiều công ty thành viên, mỗi công ty sẽ chịu trách nhiệm cho từng lĩnh vực riêng biệt, nhưng vẫn kết nối với nhau để tạo thành hệ sinh thái chuỗi giá trị, cung cấp các sản phẩm từ con giống đến bàn ăn (từ khâu nuôi tôm sinh thái, nuôi thủy sản công nghệ cao đến mảng chế biến, xuất khẩu thủy sản).

- Để quản lý và điều hành mạng lưới các công ty con hiệu quả, Công ty mẹ và các phòng ban đầu não có nhiệm vụ thiết lập chuẩn mực, tìm kiếm đối tác và phân bổ cho các công ty con, liên doanh.

- Công ty cũng đang tiếp tục đầu tư để hoàn thiện nhà máy chế biến tại Zone 1 (bao gồm nhà máy số 1 và nhà máy số 3) để nâng cao công suất chế biến. Ngoài ra, công ty cũng đang đầu tư xây dựng nhà máy cá và kho lạnh tại các công ty thành viên. Mục tiêu của Công ty là nâng cao công suất chế biến tôm lên 20.000 tấn thành phẩm/năm.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Công ty đầu tư vào dự án xây dựng, nghiên cứu và sản xuất thủy sản công nghệ cao, kết hợp với thực nghiệm và tạo việc làm cho người dân trong khu vực. Dự án có quy mô lên đến 16,7 ha về diện tích mặt đất và mặt nước, đạt công suất sản xuất 3.000 tấn/năm.

- Công ty tiếp tục đề cao việc kết hợp công nghệ nuôi tôm sinh thái hữu cơ kết hợp với tôm - rừng ngập mặn và có chứng nhận quốc tế về sản phẩm sạch và chất lượng đảm bảo. Điều này giúp công ty tiến vào các thị trường nước ngoài, giảm thiểu cạnh tranh và nâng cao chất lượng.

- Công ty liên tục nghiên cứu và áp dụng công nghệ vào quy trình sản xuất để nâng cao năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Trong vòng 5 năm tới, công ty đặt mục tiêu đạt doanh số 250 triệu USD/năm và lợi nhuận thu được sẽ được đầu tư và mở rộng nhà máy và xí nghiệp sản xuất.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện nhà máy chế biến tại Zone 1 (Nhà máy số 1, nhà máy số 3) để nâng công suất chế biến của Công ty.

- Đầu tư xây dựng nhà máy cá và kho lạnh tại công ty thành viên

Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Là Doanh nghiệp chuyên sản xuất và chế biến thủy sản xuất khẩu, Công ty luôn coi trọng vai trò của lực lượng lao động trong quá trình phát triển. Công ty tập trung vào các chính sách đào tạo, đãi ngộ và lương thưởng để đảm bảo sức khỏe tốt và năng suất làm việc cao cho nhân viên.

- Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ và ngoài trường để nâng cao trình độ cán bộ nhân viên và cập nhật các công nghệ sản xuất mới, giúp nhân viên đáp ứng nhu cầu làm việc của từng bộ phận.

CÁC RỦI RO

- Rủi ro kinh tế
- Rủi ro pháp luật
- Rủi ro cạnh tranh
- Rủi ro dịch bệnh
- Rủi ro nguyên liệu đầu vào
- Rủi ro lãi suất
- Rủi ro tỷ giá
- Rủi ro khác

Rủi ro kinh tế

Năm 2022, bối cảnh nền kinh tế thế giới chịu nhiều ảnh hưởng từ các yếu tố chính trị, dịch bệnh như: Xung đột căng thẳng giữa Nga và Ukraine làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, khiến giá năng lượng leo thang, ảnh hưởng hầu hết đến các mặt hoạt động của các doanh nghiệp; Chính sách đóng cửa Zero- Covid của chính phủ Trung Quốc ảnh hưởng đến xuất nhập khẩu thế giới; Lạm phát cao tại Mỹ và EU - các thị trường xuất khẩu lớn của doanh nghiệp, gây sức ép lên lãi suất và tỷ giá khiến chính phủ và người dân phải thắt chặt tài chính. Bối cảnh kinh tế vĩ mô không thuận lợi tác động mạnh mẽ đến kinh tế Việt Nam trong giai đoạn sắp tới.

Bức tranh nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022 nhìn chung có nhiều dấu hiệu lạc quan, đánh dấu sự hồi phục sau hai năm chững lại do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19. Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê Việt Nam, tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 8,02%, mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2011 – 2022. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông - lâm - ngư nghiệp tăng 2,88%, chiếm tỷ trọng 11,88%. Trong đó, tổng sản lượng thủy sản năm 2022 đạt 9.026,3 nghìn tấn, tăng 2,7% so với năm trước. Sản lượng tôm đạt 1.233,5 nghìn tấn, tăng 7,2%. Mặc dù chi phí đầu vào tăng cao và nhu cầu thị trường thế giới chững lại ở giai đoạn cuối năm tại các thị trường lớn cho áp lực tăng giá lạm phát, tăng trưởng xuất khẩu tôm nước ta trong năm vẫn có mức tăng kỷ lục. Năm 2022, bức tranh kinh doanh của các doanh nghiệp thủy sản đều có sự tăng trưởng ấn tượng khi thủy sản lập kỷ lục xuất khẩu đạt 11 tỷ USD; trong đó, ngành tôm cũng có đóng góp lớn khi đạt 4,3 tỷ USD, tăng 11% so với năm trước (Theo Vasep.com.vn). Hoạt động của các doanh nghiệp xuất khẩu tôm nhìn chung khá khả quan.

Rủi ro pháp luật

Là công ty cổ phần niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy hải sản, hoạt động của CMX phải tuân thủ theo hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Thuỷ sản. Bên cạnh đó, môi trường kinh doanh quốc tế đòi hỏi doanh nghiệp thực hiện đúng các bộ luật và chính sách thương mại của các quốc gia đối tác, đặc biệt là thị trường EU. Thẻ vàng IUU do vi phạm quy tắc truy xuất nguồn gốc của sản phẩm thuỷ sản Việt Nam qua thị trường châu Âu vẫn đang là rào cản lớn đối với ngành xuất khẩu thuỷ hải sản Việt Nam. Điều này làm ảnh hưởng đến vị thế cạnh tranh của Việt Nam vì mất thêm chi phí và thời gian ở khâu kiểm duyệt.

Rủi ro cạnh tranh

Trên thế giới, các các nước xuất khẩu thủy sản như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Ecuador gây áp lực cạnh tranh gay gắt lên thủy sản Việt Nam về giá bán. Mặc dù Hiệp định thương mại tự do Châu Âu (EVFTA) mang đến nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam, song việc đấy cũng đồng nghĩa với những thách thức khó khăn nhất định. Thị trường Mỹ và EU, mặc dù là hai thị trường tiêu thụ hàng đầu và định hướng tiêu dùng trên toàn cầu, tuy nhiên lại là những thị trường khó tính và đòi hỏi sự tuân thủ các quy định chặt chẽ về chất lượng sản phẩm. Việc đạt được Thẻ vàng của châu Âu và tuân thủ các quy định nghiêm ngặt liên quan đến động vật có vú của Hoa Kỳ đòi hỏi các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam phải đầu tư nhiều chi phí, thời gian, và công sức. Điều này đặt ra những thách thức và cơ hội cho ngành thủy sản Việt Nam trên thị trường quốc tế. Nhằm giảm thiểu tác động của sự cạnh tranh khốc liệt từ các quốc gia xuất khẩu tôm có nguồn cung lớn trên thế giới, CAMIMEX đang tập trung mở rộng sản xuất các sản phẩm tôm có giá trị gia tăng. Bên cạnh đó, Công ty đang khuyến khích mở rộng nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào để tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm của mình.

Rủi ro dịch bệnh

Dịch bệnh là một trong những rủi ro phổ biến và và tác động lớn đến ngành nuôi trồng thuỷ sản, đặc biệt là tôm. Tôm là loại động vật biến nhiệt, chịu ảnh hưởng rất lớn từ môi trường; đặc biệt là trong những ngày nắng nóng, nhiệt độ cao khiến cho tôm bị sốc và phát bệnh. Do đó, trong điều kiện khí hậu không thuận lợi đòi hỏi người nuôi trồng phải có kỹ thuật canh tác cao và các biện pháp xử lý, phòng ngừa kịp thời.

Các loại dịch bệnh phổ biến như đốm trắng, gan tụy, đường ruột. Theo Tổng cục thuỷ sản, trong năm 2022, tổng diện tích nuôi trồng tôm bị thiệt hại là 22.894 ha, chiếm 97,2% trong tổng diện tích thủy sản nuôi bị thiệt hại, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2021 (có tổng diện diện tích thiệt hại là 19.840 ha).

Do đó, để khắc phục và giảm thiểu rủi ro dịch bệnh, Công ty cần có thực hiện đồng bộ các giải pháp, cải thiện điều kiện hạ tầng vùng nuôi, quản lý mùa vụ nuôi, có ao lắng để trữ nước sử dụng, chỉ thả giống khi đảm bảo điều kiện nuôi trồng; nghiên cứu điều chỉnh quy trình nuôi phù hợp, xử lý nước thải và chất thải theo quy định. Đối với các hộ nuôi trồng liên kết, công ty sẽ cử đội kỹ thuật canh tác 2 lần/năm để kiểm tra, tư vấn vùng nuôi đảm bảo an toàn chất lượng theo quy định của Organic EU, Bio Suisse, Naturland.

Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Chất lượng con giống quyết định đến 80% hiệu quả của vụ nuôi trồng. Vì vậy, nguồn tôm giống đối với các doanh nghiệp nuôi trồng tôm là hết sức quan trọng. Trong khi chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng cao so với doanh thu, mà chủ yếu là chi phí nguyên liệu, nguồn cung tôm giống đầu vào của nước ta vẫn luôn trong tình trạng thiếu hụt và chất lượng không được quản lý. Giống tôm bố mẹ có chất lượng thấp, dẫn đến chất lượng con giống thấp, sức sống kém và giống chưa sạch bệnh vẫn còn là thực trạng cần giải quyết. Để đảm bảo nguồn nguyên liệu cho sản xuất với chi phí hợp lý, Ban Lãnh đạo công ty luôn chủ động chuẩn bị kế hoạch thu mua nguyên liệu, liên kết và phối hợp chặt chẽ với nhiều nguồn nuôi để đảm bảo lượng dự trữ và tồn kho hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đã đầu tư xây dựng chuỗi quy trình và sản xuất tôm khép kín, tạo ra hệ sinh thái sản phẩm tôm từ khâu nuôi cấy giống đến thành phẩm. Điều này góp phần giúp Công ty kiểm soát được rủi ro nguyên liệu đầu vào hiệu quả hơn.

Rủi ro lãi suất

Với đặc thù doanh nghiệp sản xuất phải huy động nhiều nguồn vốn vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn lưu động, phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh, biến động nhỏ trong lãi suất cũng có tác động mạnh đến lợi nhuận của công ty. Năm 2022, Cục dữ trữ liên bang Mỹ (FED) liên tục tăng lãi suất mục tiêu để đối phó với lạm phát, mức lãi suất trần hiện nay đã tăng từ 0,25% lên 4,5%. Sau FED, nhiều Ngân hàng Trung ương của các quốc gia lớn trên thế giới đang có xu hướng đẩy nhanh thắt chặt tiền tệ khi tăng lãi suất nhanh với biên độ lớn. Theo đó, vào thời điểm cuối tháng 9 &10, NHNN đã điều chỉnh tăng lãi suất tái chiết khấu và tái cấp vốn liên tiếp 2 lần, mỗi lần tăng 1%, đưa lãi suất về tương đương giai đoạn trước dịch. Từ đấy, mặt bằng lãi suất suất huy động của các ngân hàng thương mại đã nhanh chóng tăng mạnh.

Để giảm thiểu rủi ro, Ban Lãnh đạo CMX đã đề ra nhiều phương hướng, lối đi phù hợp, thường xuyên cập nhật những thay đổi về lãi suất để đưa ra các quyết định vay vốn có lợi cho mục đích của Công ty. Điều này giúp Công ty giảm thiểu chi phí tài chính và đảm bảo hoạt động kinh doanh được hiệu quả và luôn tuân theo các quy định của pháp luật.

Rủi ro tỷ giá

Là doanh nghiệp xuất nhập khẩu nên tỷ giá và tình hình biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong năm 2022, diễn biến tỷ giá chịu áp lực từ việc đồng USD tăng mạnh, điều này khá thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam. EU và Hàn Quốc là 02 thị trường tiêu thụ chính của CMX (chiếm 80% kim ngạch xuất khẩu), do vậy Công ty đặc biệt quan tâm theo dõi các tỷ giá như EUR/VND và KRW/VND để thực hiện các chính sách tín dụng thương mại phù hợp, ứng phó với các biến động kịp thời nhằm hạn chế tối đa rủi ro tỷ giá tác động đến doanh thu của CAMIMEX.

Rủi ro khác

Trong quá trình hoạt động, ngoài những rủi ro kể trên, công ty có thể gặp những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, cháy nổ, dịch bệnh,... Những trường hợp này tuy ít xảy ra nhưng khi xảy ra sẽ mang lại hậu quả nghiêm trọng đối với hoạt động kinh doanh của công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại về người và của, công ty luôn chủ động đề ra những phương án phòng ngừa và thực hiện công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ nhân viên.

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức, nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2021	KH năm 2022	TH năm 2022	TH 2022/ KH 2022	TH 2022/ TH 2021
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	62,22	160	77,54	48,46%	124,62%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	7.483,14	13.000	8.857,22	68,13%	118,36%
3	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.093.645	3.900.000	2.900.108	74,36%	138,52%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	99.147	330.000	106.053	32,14%	106,97%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	83.524	300.000	90.879	30,29%	108,81%

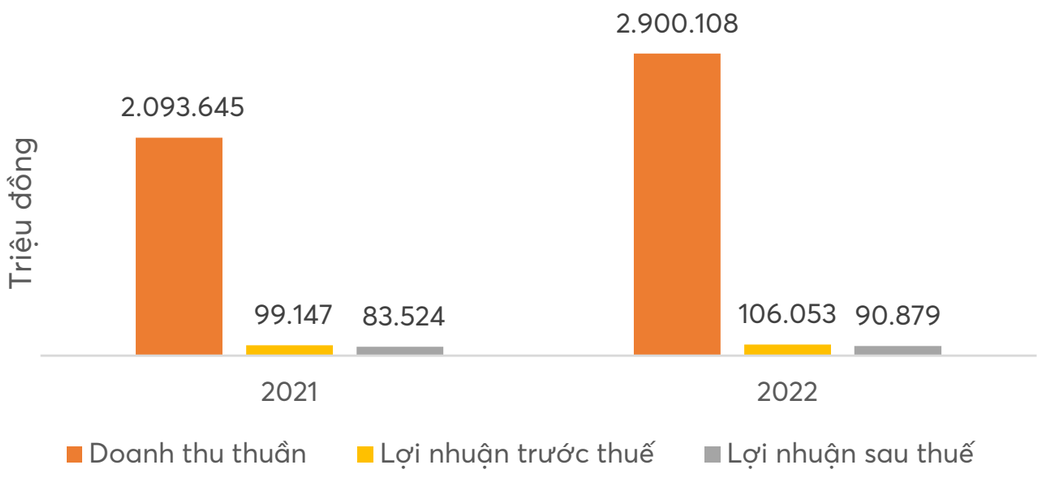

Trong năm 2022, ngành xuất khẩu thuỷ sản trong đó có xuất khẩu tôm đối mặt nhiều thách thức, bao gồm hệ luỵ của đại dịch Covid-19, xung đột chính trị giữa Nga - Ukraine, giá cả chi phí tăng trong nước và lạm phát cao tại các thị trường tiêu thụ nước ngoài. Tuy nhiên, với nền kinh tế và môi trường kinh doanh ổn định và thuận lợi tại Việt Nam, CMX đã biến những thách thức này thành cơ hội, tận dụng lợi thế của các hiệp định FTA và nhu cầu phục hồi của thị trường sau đại dịch Covid-19 để đẩy mạnh xuất khẩu trong năm 2022.

Kết quả, kim ngạch xuất khẩu và sản lượng sản xuất của CMX năm 2022 ghi nhận đạt mức 77,54 triệu USD và 8.857,22 tấn, đồng thời doanh thu thuần tăng trưởng 38,52%, đạt 2.900.108 triệu đồng. Lợi nhuận trước và sau thuế tăng trưởng lần lượt là 6,97% và 8,81% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 106.053 triệu đồng và 90.879 triệu đồng.

Nhìn chung, trong nửa đầu năm 2022, doanh nghiệp đã ghi nhận kết quả kinh doanh tốt nhờ vào nhu cầu cao giai đoạn hồi phục hậu Covid-19 và giá tôm tăng. Tuy nhiên, trong nửa cuối năm, lạm phát cao tại các nền kinh tế lớn đã ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng, đồng thời hàng tồn kho vẫn ở mức cao, xuất khẩu tôm giảm tốc. Điều này dẫn đến kết quả kinh doanh của CAMIMEX GROUP tuy tăng trưởng khá tốt so với năm trước nhưng chưa đạt được kết quả như kỳ vọng.

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành (tính đến ngày 31/12/2022)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu & đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Huỳnh Văn Tấn	Tổng Giám đốc	80.000	0,08%
2	Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	4.480.000	4,40%
3	Đặng Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	-	-
4	Huỳnh Công Nhân	Kế toán trưởng	100.000	0,098%

Lý lịch Ban Điều hành

ÔNG HUỲNH VĂN TẤN

Tổng giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 21/04/1975

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 4/10 Nguyễn Ngọc Sanh, khóm 6, phường 5, TP. Cà Mau

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế đối ngoại

Chức vụ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc CTCP Camimex

Số lượng CP sở hữu: 80.000 cổ phiếu, tương ứng 0,08% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Từ năm 2000-31/12/2001	Nhân viên thị trường Công ty bút bi Thiên Long
Từ 2002-30/06/2013	Cán bộ CTCP Camimex Group
Từ 01/07/2013	Giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần Camimex Group
Từ 14/03/2019 - nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex
Từ 15/05/2020 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Camimex Group

ÔNG BÙI ĐỨC CƯỜNG

Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 07/04/1973

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: E114 CC KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Camimex

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc của CTCP Camimex Foods

Số lượng CP sở hữu: 4.480.000 cổ phần, tương ứng chiếm 4,4% VĐL

Quá trình công tác:

Từ năm 1997 - 2008	Chuyên viên tại CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Từ năm 2009 – 02/2013	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Quang Thuận – Ninh Thuận
Từ 06/2013 – 13/02/2019	Thành viên HĐTV kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Camimex
Từ 14/02/2019 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Camimex
Từ 06/2013 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Camimex Group
Từ 10/2020 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Camimex Foods

ÔNG ĐẶNG NGỌC SƠN

Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 19/06/1959

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 11/50 Nguyễn Hữu Tiến, Tây Thạnh, Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Chế biến thủy sản

Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần CAMIMEX

Thành viên HĐQT của CTCP Camimex Foods

Số lượng CP sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

Từ năm 1981 - 1994	Phó Giám đốc phụ trách sản xuất Công tác tại Công ty Xuất nhập Thủy sản Sóc Trăng
Từ năm 1995 - 1998	Phó Giám đốc Kỹ Thuật Công ty CP Dầu khí Vũng Tàu
Từ năm 1998 - 2001	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP Chế biến thủy sản Minh Hải
Từ năm 2001 -2005	Giám đốc Công ty TNHH An Hưng Bà Rịa Vũng Tàu
Từ năm 2005 - 2014	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh
Từ 08/2014 – 07/2019	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Camimex Group
Từ 01/07/2019 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex Group
Từ 09/2020 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP CAMIMEX

ÔNG HUỲNH CÔNG NHÂN

Kế toán trưởng

Ngày sinh:	09/12/1978
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Số 290A, đường Nguyễn Công Trứ, Khóm 8, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Không có
Số lượng CP sở hữu:	100.000 cổ phiếu, tương ứng 0,098% vốn điều lệ
Quá trình công tác:	

Từ 11/2001 – 01/2006	Nhân viên phòng kế toán CTCP CBTS XK Minh Hải
Từ 02/2006 – 01/2007	Kế toán tổng hợp CTCP CBTS XK Minh Hải
Từ 02/2007 – 08/2008	Kế toán trưởng CTCP CBTS XK Minh Hải
Từ 09/2008 – 12/2009	Giám đốc tài chính CTCP CBTS XK Minh Hải
Từ 01/2010 – 06/2011	Giám đốc tài chính CTCP Phú Cường Jostoco
Từ 07/2011 - 06/2012	Phó Tổng giám tài chính CTCP Phú Cường Jostoco
Từ 07/2012 – 12/2013	Giám đốc CTCP Phú Cường Jostoco
Từ 01/2014 – 12/2019	Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại Thủy sản Ngân Phú
Từ 03/2019 – 12/2019	Trợ lý chủ tịch HĐQT CTCP Camimex Foods
Từ 01/2020 – 10/2020	Tổng giám đốc CTCP Camimex Foods
Từ 01/11/2020 - nay	Kế toán trưởng CTCP Camimex Group

Danh sách thay đổi trong Ban Điều hành năm 2022

Trong năm 2022, Ban Điều hành không có sự thay đổi trong cơ cấu nhân sự.

Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tại ngày 31/12/2022

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ**	**1.335**	**100%**
1	Trên đại học	1	0,07%
2	Đại học	203	15,21%
3	Cao đẳng, trung cấp	180	13,48%
4	Công nhân kỹ thuật	5	0,37%
5	Sơ cấp	44	3,30%
6	Lao động khác	902	67,57%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**1.335**	**100%**
1	Lao động hợp đồng có thời hạn 1-3 năm	73	5,47%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	1.253	93,86%
3	Lao động trong thời gian thử việc	9	0,67%
C	**Theo giới tính**	**1.335**	**100%**
1	Nam	695	52,06%
2	Nữ	640	47,94%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	1.180	1.103	1.308	1.335
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.100.000	6.500.000	6.950.000	7.650.000

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

“Chính sách nhân sự”

Về đào tạo

Đối với doanh nghiệp sản xuất, lực lượng lao động là yếu tố quan trọng tạo nền sự phát triển bền vững cho công ty. CMX luôn chú trọng việc tuyển dụng nhân sự đủ trình độ, có khả năng gắn bó lâu dài với công ty cũng như đào tạo để nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ đáp ứng việc thay đổi công nghệ liên tục trong sản xuất.

Bên cạnh đó, để nắm bắt được được năng lực làm việc của người lao động, hằng năm Công ty đều tổ chức các chương trình đánh giá. Thông qua các chương trình này, công ty kịp thời có những chính sách đào tạo cải thiện, bổ sung nhằm nâng cao khả năng, tận dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có; cũng như tạo lộ trình thăng tiến rõ ràng, xứng đáng với năng lực của mỗi cán bộ công nhân lao động làm việc tại CMX.

Về môi trường làm việc

Công ty luôn cố gắng để xây dựng một môi trường làm việc thân thiện, văn minh, tích cực để mỗi nhân viên có thể phát huy năng lực và nhận về phần thưởng xứng đáng. Ban Lãnh đạo luôn chú trọng chăm lo đời sống vật chất lẫn tinh thần cho cán bộ công nhân viên. Đặc biệt, với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất, Công ty luôn cam kết đảm bảo an toàn cho người lao động trong suốt quá trình làm việc. Nhờ vậy, tập thể nhân viên CMX luôn an tâm cống hiến hết mình, giúp Công ty đạt được những mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Về lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Chính sách tiền lương của Công ty áp dụng cho hai đối tượng riêng biệt:

» **Đối với nhân viên lao động gián tiếp:** Công ty áp dụng quy chế trả lương khoán cho từng vị trí công việc khác nhau theo năng lực và khối lượng công việc.

» **Đối với công nhân trực tiếp sản xuất:** Công ty áp dụng chính sách chi trả theo năng lực và khối lượng công việc của người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện nhiều chế độ phúc lợi, đãi ngộ khác cho người lao động, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người lao động làm việc tại công ty. Chẳng hạn như: nhà ăn tập thể giữa ca, xe đưa đón, phụ cấp độc hại, tổ chức khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty con năm 2022

Công ty Cổ phần Camimex

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/Giảm
Tổng tài sản	1.930.508,89	2.207.504,50	14,35%
Doanh thu thuần	1.957.114,19	2.333.636,69	19,24%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	71.652,07	121.877,24	70,10%
Lợi nhuận khác	1.553,40	299,59	-80,71%
Lợi nhuận trước thuế	73.205,46	122.176,80	66,90%
Lợi nhuận sau thuế	63.069,34	108.098,61	71,40%

Công ty TNHH Camimex Organic

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/Giảm
Tổng tài sản	70.471,29	95.765,79	35,89%
Doanh thu thuần	357.134,55	636.891,77	78,33%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.255,37	(562,60)	-
Lợi nhuận khác	635,48	(401,10)	-
Lợi nhuận trước thuế	1.890,86	(963,70)	-
Lợi nhuận sau thuế	1.402,30	(963,70)	-

Công ty CP Camimex Logistics

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/Giảm
Tổng tài sản	33.665,61	23.572,6	-29,98%
Doanh thu thuần	55.313,29	68.935,17	24,63%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.862,07	456,20	-75,50%
Lợi nhuận khác	(0,63)	(5,2)	-
Lợi nhuận trước thuế	1.861,44	451,01	-75,77%
Lợi nhuận sau thuế	1.453,23	(209,30)	-

Công ty CP Camimex Foods

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/Giảm
Tổng tài sản	352.333,09	518.427,90	47,14%
Doanh thu thuần	292.789,96	631.551,10	115,70%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	6.045,47	3.687,90	-39,00%
Lợi nhuận khác	(84,14)	(46,10)	-
Lợi nhuận trước thuế	5.961,33	3.641,73	-38,91%
Lợi nhuận sau thuế	4.612,13	2.341,90	-49,22%

Công ty TNHH Camimex Farm

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/Giảm
Tổng tài sản	200.001,33	200.075,20	-

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên kết năm 2022

Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/Giảm
Tổng tài sản	95.901,56	93.845,90	-2,14%

Công ty TNHH Camimex Quảng Trị

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/Giảm
Tổng tài sản	500	700	40%

Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2022, Camimex Group đã thực hiện đầu tư một số dự án sau:

- Xây dựng, nghiên cứu, sản xuất thủy sản công nghệ cao
  - Đầu tư tài sản cố định: 195.700.000.000 đồng
  - Vốn lưu động: 155.300.000.000 đồng
- Xây dựng, nghiên cứu, sản xuất thủy sản công nghệ cao trong giai đoạn giải phóng mặt bằng
  - Mục tiêu đầu tư: Nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao và kết hợp thực nghiệm, tạo việc làm
  - Quy mô dự án: Diện tích mặt đất - mặt nước là 16,7ha đạt công suất 3.000 tấn sản phẩm/năm
  - Địa điểm thực hiện dự án: Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	%2022/2021
1	Tổng tài sản	2.421.584	2.914.032	120,34%
2	Doanh thu thuần	2.093.645	2.900.108	138,52%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	95.488	112.935	118,27%
4	Lợi nhuận khác	3.659	(6.882)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	99.147	106.053	106,97%
6	Lợi nhuận sau thuế	83.524	90.879	108,81%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(*)		

(*) Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ phát hành là 10:1

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,93	1,44
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,97	0,79
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46,47	52,13
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	86,83	108,88
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,46	2,77
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,07	1,09
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	3,99	3,13
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,44	6,51
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	3,45	3,12
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,56	3,89

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán của doanh nghiệp nhìn chung giảm, tuy nhiên hệ số thanh toán ngắn hạn vẫn duy trì mức trên 1, thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của CMX tương đối tốt. Tại thời điểm 31/12/2022, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phát sinh hơn 220.000 triệu đồng, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng cũng tăng 39,6% (tương ứng tăng 217.988 triệu đồng). Chính những nguyên nhân trên dẫn đến tài sản ngắn hạn tăng hơn 24,29% (tăng 420.085 triệu đồng). Trong năm, nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mở rộng quy mô, Công ty thực hiện vay tài chính ngắn hạn, dẫn đến nợ ngắn hạn tăng mạnh (tăng hơn 66,32% tương ứng tăng 594.551 triệu đồng).

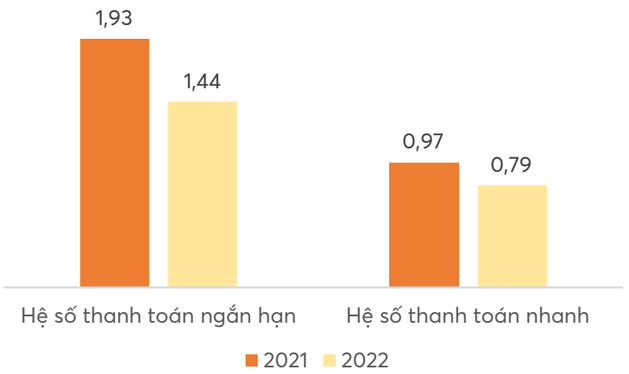

Hệ số về khả năng thanh toán nhanh đạt 0,76, tuy nhỏ hơn 1 nhưng vẫn đảm được khả năng thanh toán khoản nợ đến hạn khi loại bỏ hàng tồn kho. Tại thời điểm cuối năm 2022, lượng Thành phẩm hàng tồn kho tăng mạnh do nhu cầu tiêu thụ tại thị trường EU giảm hơn so với cùng kỳ các năm trước. Lạm phát cao kỷ lục, khủng hoảng giá năng lượng, biến động tỷ giá ảnh hưởng tới chi phí lưu kho và tổ chức tiêu thụ chính là nguyên nhân khiến cho nhu cầu tiêu thụ tại thị trường này sụt giảm.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Do các khoản vay ngắn hạn phục vụ quá trình hoạt động kinh doanh tăng cao, khiến tổng nợ của Công ty tăng nhanh hơn tài sản và vốn chủ sở hữu, làm cho các chỉ tiêu về cơ cấu vốn như hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng, lần lượt từ 46,47 lên 52,13 và từ 86,83 lên 108,88. Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng gần như trong cấu trúc nợ với tỷ trọng 98,16%. Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất, 70,91% và tăng đáng kể tới 79,79%. Đây là nguyên nhân chủ yếu khiến nợ của doanh nghiệp tăng cao.

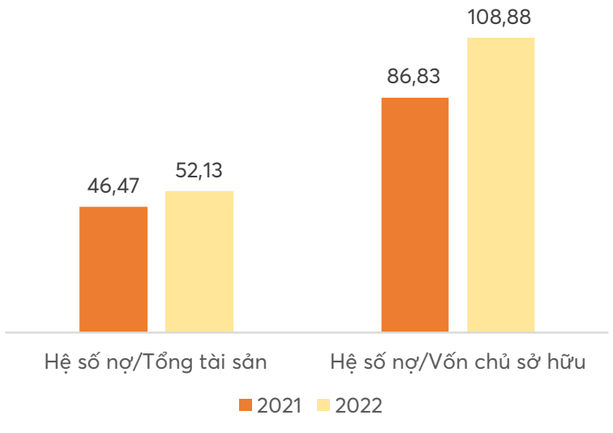

Ngoài ra, trong năm 2022, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty. Theo đó, vốn chủ sở hữu của Công ty cũng tăng lên tương ứng.

Nhìn chung, CMX có hệ số nợ cao và đang tài trợ hoạt động kinh doanh của mình bằng một nửa là các nguồn vốn vay và nợ ngắn hạn bên ngoài. Chính vì vậy, công ty luôn thận trọng và thực hiện quản trị và sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay, tránh rủi ro nợ.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

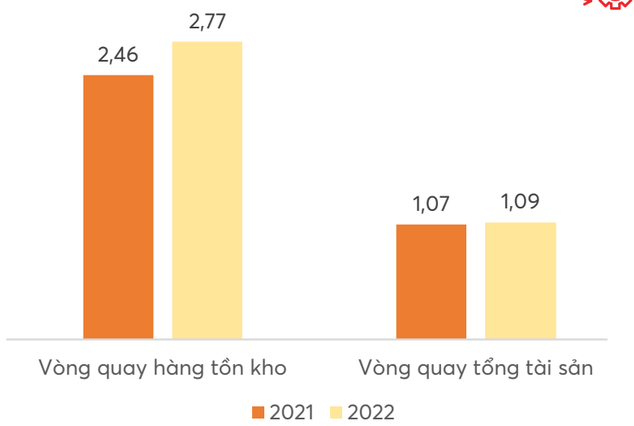

Do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tăng cao, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng được đẩy mạnh, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động như vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tổng tài sản tăng. Việc các chi phí đầu vào tăng do tác động của lạm phát khiến giá vốn hàng bán tăng 40,53%. Trong khi đó lượng hàng tồn kho chỉ tăng 14,07% khiến vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2,46 vòng lên 2,77 vòng. Vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ từ 1,07 lên 1,09 vòng tương ứng với mức tăng 38,55% trong doanh thu và 20,45% trong giá trị tổng tài sản. Vòng quay tổng tài sản tăng lên 1,09 thể hiện việc sử dụng tài sản hiệu quả của doanh nghiệp trong năm qua khi một đồng tài sản có thể tạo ra được 1,09 đồng doanh thu.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Với kết quả kinh doanh khá tốt, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều đạt mức ổn định so với cùng kỳ năm 2021. Cụ thể, ROS (Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu), ROE (Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân), ROA (Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản bình quân) và hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/doanh thu thuần lần lượt 3,13%, 6,51%, 3,12% và 3,89%. Mặc dù CAMIMEX gặp nhiều khó khăn khi chịu ảnh hưởng từ các xung đột chính trị trên thế giới, lạm phát tăng cao, nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường chủ chốt giảm mạnh cũng như giá bán ra giảm, tuy nhiên nhờ vào sự nỗ lực, cố gắng hết sức, đồng lòng cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ sản xuất của Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty, kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đạt mức tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước với doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt ghi nhận đạt 2.900.107 triệu đồng và 90.879 triệu đồng (tương ứng tăng 38.52% và 8,81%).

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành — **101.898.990** cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

101.898.990 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ

0 cổ phiếu

Loại cổ phần

cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần

10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông

Tại thời điểm 08/12/2022

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông trong nước**	**10.179**	**91.297.488**	**912.974.880.000**	**89,60%**
1	Cổ đông cá nhân	10.157	90.939.397	909.393.970.000	89,24%
2	Cổ đông tổ chức	22	358.091	3.580.910.000	0,35%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**71**	**10.601.502**	**106.015.020.000**	**10,40%**
1	Cá nhân	56	370.451	3.704.510.000	0,36%
2	Tổ chức	15	10.231.051	102.310.510.000	10,04%
	Tổng	**10.250**	**101.898.990**	**1.018.989.900.000**	**100%**

Danh sách cổ đông lớn

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 08/12/2022

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL (%)
1	Bùi Sĩ Tuấn	12.02A Khối A C/c Cao Tầng, phường 12, Quận 3, Hồ Chí Minh	17.948.690	17,61%
2	Bùi Đức Dũng	12.02A Khối A C/c Cao Tầng, phường 12, Quận 3, Hồ Chí Minh	7.734.690	7,59%
3	Trần Đức Bá Cao	P914-CT1 KĐT Văn Khê, La Khê, Hà Đông, Hà Nội	11.000.000	10,80%
4	Công ty TNHH ES VINA	Số 7, đường 19, khu đô thị lake view city, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	8.597.541	8,44%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

(*)Theo Công văn số 3647/UBCK-PTTT về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Camimex Group ngày 15/07/2021 của UBCKNN.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

Các chứng khoán khác

Không có.

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
2006	65.000.000.000	65.000.000.000	Vốn điều lệ ban đầu: Thời điểm chuyển sang cổ phần ngày 12/01/2006	Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu ngày 12/01/2006
2007	23.815.000.000 (thực tế: 19.560.700.000)	88.815.000.000 (thực tế: 84.560.700.000)	Do ngày 09/05/2007 Công ty đã chuyển khoản trước phần chia cổ tức 2006 vào quỹ sắp xếp cổ phần hóa (CP nhà nước) TK 419 CP quỹ: 4.254.300.000 đồng. Từ đó vốn điều lệ thực tế tăng 19.560.700.000 đồng lên 84.560.700.000 đồng	Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau Giấy chứng nhận ĐKKD lần 1 ngày 21/05/2007
2008	4.201.160.000 (thực tế: 8.455.460.000)	93.016.160.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu 10% vốn điều lệ thực tế	Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau Giấy chứng nhận ĐKKD lần 2 ngày 11/11/2008
2009	21.951.810.000	114.967.970.000	Cổ phiếu thưởng trích từ quỹ đầu tư phát triển	Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau Giấy chứng nhận ĐKKD lần 3 ngày 16/07/2009
2011	17.244.370.000	132.212.340.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu 15% vốn điều lệ	Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau Giấy chứng nhận ĐKKD lần 7 ngày 30/09/2011
2020	132.212.340.000	264.424.680.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 21/GCN-UBCK ngày 17/01/2020 của UBCKNN Giấy chứng nhận ĐKKD lần 16 ngày 30/03/2020
2020	264.424.680.000	304.087.510.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành ESOP	CV số 4992/UBCK-QLCB ngày 13/08/2020 về nhận được tài liệu báo cáo phát hành của UBCKNN Giấy ĐKKD thay đổi lần thứ 17 ngày 09/09/2020
2021	304.087.510.000	608.175.020.000	Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 90/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/07/2021 Giấy ĐKKD thay đổi lần thứ 18 ngày 23/09/2021
2022	908.175.020.000	1.018.989.900.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.	CV số 3791/UBCK-QLCB ngày 17/06/2022 v.v phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của CMX CV số 4377/UBCK-QLCB ngày 08/07/2022 v.v phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của CMX Giấy ĐKKD thay đổi lần thứ 20 ngày 22/08/2022

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN
ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

Hoạt động canh tác, nuôi trồng và khai thác tôm của Công ty cũng đã trực tiếp hoặc gián tiếp tác động tiêu cực đến môi trường:

» ***Trực tiếp:*** Nước thải từ nguồn thức ăn thừa, phân - chất bài tiết của tôm, bùn thải dưới đáy hồ còn chứa các loại hóa chất, thuốc kháng sinh dư thừa tích tụ và tồn lưu cho môi trường.

» ***Gián tiếp:*** Khí thải từ việc sử dụng điện và dầu từ các thiết bị vận hành sản xuất như máy bơm, máy sục khí, quạt nước, sên vét ao,... đã tạo ra lượng lớn khí thải CO_2, SO_2, PO_4.

Đây là những nguyên nhân góp phần gây nên khí thải nhà kính và làm gia tăng tác động tiêu cực đến biến đổi khí hậu

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Để giảm thiểu phát thải khí nhà kính, chất thải hữu cơ từ hoạt động sản xuất, công ty đã áp dụng các biện pháp như:

Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải công nghiệp thủy sản, nước thải từ hoạt động sản xuất, chất thải sẽ được thu gom và xử lý theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản (QCVN 11-MT:2015/ BTNMT).

Quản lý giảm thiểu khí thải từ hoạt động sản xuất, đảm bảo lượng khí thải đưa ra môi trường đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/ BTNMT).

Đối với chất rắn, rác thải công nghiệp, phế liệu, công ty thực hiện thu gom, xử lý, vận chuyển chất thải theo đúng với quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2022, Công ty đã tuân thủ tốt các quy định về môi trường, nhờ vậy trong nhiều năm qua, không có hoạt động nào của CAMIMEX bị các cơ quan Nhà nước xử phạt về vấn đề môi trường.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Chi phí con giống, tôm nguyên liệu chiếm phần lớn chi phí giá vốn của công ty. Vì vậy, để tạo ra lợi nhuận ổn định và tăng trưởng, Công ty cần thực hiện các chính sách quản lý đầu vào hiệu quả; đặc biệt là khi chất lượng con giống ở nước ta vẫn chưa được kiểm soát chất lượng.

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Tổng lượng tôm nguyên liệu sản xuất trong năm: 8.538,8 tấn

Tổng thành phẩm đóng gói xuất bán trong năm: 6.414,74 tấn

Tiêu thụ năng lượng

Công ty đã xây dựng nhiều dự án nuôi trồng áp dụng kỹ thuật công nghệ cao giúp kiểm soát chất lượng tốt hơn, nâng cao năng suất và hiệu quả nuôi trồng, từ đó giúp tiết kiệm được thời gian và năng lượng tiêu thụ.

Đội ngũ kỹ thuật viên được công ty liên tục hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ, chuyên môn trong việc sử dụng các hệ thống nuôi trồng tiên tiến, cải tiến quy trình để có thể tối đa năng suất, tiết kiệm thời gian và năng lượng tiêu thụ mỗi năm cho công ty.

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước: Nước khai thác từ giếng khoan chính là nguồn cấp chủ yếu của công ty

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty đảm bảo lượng nước thải từ hoạt động sản xuất được xử lý toàn bộ bằng hệ thống xử lý nước thải công nghiệp thuỷ sản. Hệ thống được được vận hành thường xuyên, đảm bảo tất cả lượng nước thải được xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

Lượng nước tiêu thụ: 297.833 m^3

Năng lượng tiêu thụ	Công suất
Trực tiếp	
Điện tiêu thụ	17.496.154 kWh
Dầu trực tiếp sử dụng cho lò hơi hấp tôm	120.995 lít
Máy phát điện dự phòng	34.197 lít
Gián tiếp	**209.559 kWh**
Điện tiêu thụ cho các bộ phận văn phòng	209.559 kWh

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số cán bộ công nhân lao động toàn công ty: 1.335 người

Thu nhập bình quân đạt: 7.650.000 đồng/ người/ tháng

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Nguồn nhân lực luôn là một trong những yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Chính vì vậy, ngoài việc thực hiện đầy đủ chế độ lương cũng như các phúc lợi như BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định; công ty còn thực hiện nhiều chế độ đãi ngộ khác như xây nhà ăn, khám sức khỏe định kỳ, cải tiến trang thiết bị bảo hộ lao động, đảm bảo vệ sinh an toàn lao động.

Hoạt động đào tạo người lao động

Công tác đào tạo người lao động cũng được công ty tổ chức thường xuyên nhằm cập nhật và nâng cao trình độ, đáp ứng sự thay đổi công nghệ cũng như các yêu cầu tại từng vị trí làm việc. Công ty tổ chức đào tạo tay nghề đối với công nhân trực tiếp sản xuất. Đồng thời để đảm bảo an toàn lao động, công ty định kỳ cũng tổ chức tập huấn An toàn lao động, PCCC cho tập thể cán bộ công nhân viên công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ban Lãnh đạo Công ty vẫn luôn tích cực tham gia các hoạt động thể hiện tinh thần và trách nhiệm cộng đồng. Hằng năm, công ty đã tham gia nhiều phong trào từ thiện, đền ơn đáp nghĩa. Công ty cũng đã chung tay hỗ trợ cộng đồng bằng nhiều chương trình, phần quà đóng góp. Bên cạnh đó, để hỗ trợ người nông dân, Công ty cũng tiến hành thu mua ổn định nguyên liệu, tạo điều kiện cho người lao động có công ăn việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo tại địa phương.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, CMX rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có chỉ thị từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2021	KH năm 2022	TH năm 2022	TH 2022/ KH 2022	TH 2022/ TH 2021
1	Doanh thu thuần	2.093.645	3.900.000	2.900.108	74,36%	138,52%
2	Lợi nhuận trước thuế	99.147	330.000	106.053	32,14%	106,97%
3	Lợi nhuận sau thuế	83.524	300.000	90.879	30,29%	108,81%

Năm 2022 đánh dấu sự hồi phục ngành xuất khẩu thủy sản của Việt Nam khi sản lượng đạt mốc kỷ lục mới. Kết quả kinh doanh trong năm, doanh thu thuần đạt mức 2.900.108 triệu đồng, tăng 38,52% so với năm trước. Tuy nhiên sản lượng xuất khẩu có sự sụt giảm vào giai đoạn cuối năm do áp lực lạm phát gây sức ép lên chi tiêu của người tiêu dùng tại các thị trường tiêu thụ khiến doanh thu của Công ty tuy tăng trưởng tốt hơn so với năm ngoái những lại không đạt được kỳ vọng đã đặt ra trước đó. Doanh thu thuần chỉ đạt 74,36% so với kế hoạch đã đặt ra. Lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt 106.053 triệu đồng và 90.879 triệu đồng, tăng lần lượt 6,97% và 8,81% so với năm 2021.

Tình hình xuất khẩu trong năm (Đơn vị tính: Triệu USD)

Thị trường	Năm 2021	Năm 2022	
	Giá trị	Giá trị	Tỷ trọng
Mỹ	-	1,98	**2,55%**
Châu Âu	32,95	44,59	**57,51%**
Canada	5,21	7,49	**9,66%**
Hàn Quốc	15,53	18,45	**23,79%**
Nhật	2,46	2,70	**3,48%**
Trung Đông	0,38	0,19	**0,25%**
Úc	0,3	0,58	**0,75%**
Khác	5,39	1,56	**2,01%**
Tổng cộng	**62,22**	**77,54**	**100%**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh xuất khẩu trong năm 2022, Công ty CMX đã phải đối mặt với một số thuận lợi và khó khăn.

Thuận lợi:

Việt Nam hiện nay là một trong những quốc gia xuất khẩu tôm hàng đầu thế giới, chỉ sau Trung Quốc và Na Uy. Điều này đã mở ra nhiều cơ hội cho CMX trong việc tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và mở rộng các thị trường tiềm năng. Nhờ vào hệ sinh thái tôm hoàn chỉnh, sản phẩm tôm xuất khẩu của công ty có sức cạnh tranh cao trên các thị trường tiêu thụ và có tiềm năng trong đà hồi phục.

Khó khăn

Tuy nhiên, CMX cũng đối mặt với những khó khăn trong hoạt động kinh doanh. Lạm phát cao tại châu Âu, nơi là thị trường tiêu thụ lớn của Công ty, dẫn đến sản lượng tiêu thụ tôm trong nửa cuối năm 2022 giảm và có xu hướng kéo dài sang năm 2023. Vấn đề này đã gây ra áp lực lớn cho doanh thu và lợi nhuận của công ty trong tương lai gần. Để giải quyết, CMX cần phải tìm kiếm các giải pháp tối ưu để cải thiện hiệu quả kinh doanh và giữ vững thị phần trên thị trường tôm toàn cầu.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		TH 2022/ TH2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	1.729.566	62,29%	2.149.652	73,77%	124,29%
Tài sản dài hạn	692.018	37,71%	764.380	26,23%	110,46%
Tổng tài sản	**2.421.584**	**100%**	**2.914.032**	**100%**	**120,34%**

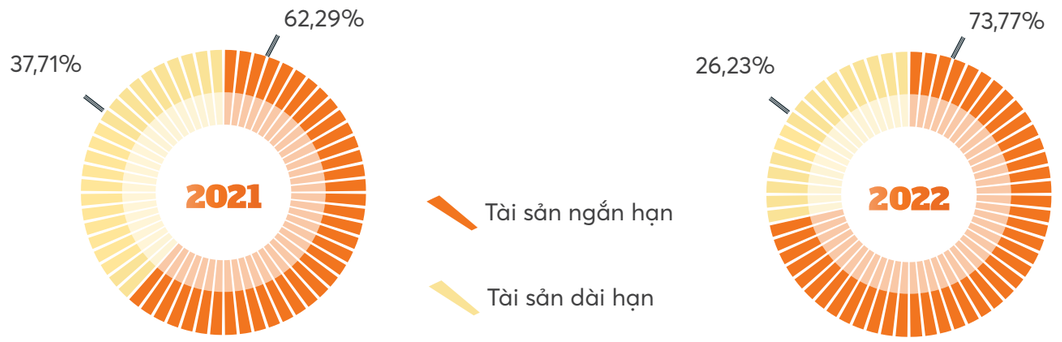

Tính tới thời điểm cuối năm 2022, Tổng tài sản của công ty đạt 2.914.032 triệu đồng, tăng 20,34% so với cùng kỳ năm trước. Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao (73,77%), trong đó chủ yếu là các khoản phải thu và lượng hàng tồn kho của công ty, chiếm 42,19% và 45,53% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn và lần lượt tăng 10,55% và 14,07% so với năm ngoái. Điều này phản ánh được tình hình tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu từ tài sản cố định (chiếm tỷ trọng 26,23%) như nhà máy, máy móc thiết bị, ... nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản dài hạn tính đến thời điểm 31/12/2022 ghi nhận tăng 10,46%, chủ yếu đến từ việc tăng tài sản cố định vô hình (với quyền sử dụng đất có giá trị hơn 45 tỷ đồng)

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		TH 2022/ TH2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	896.549	79,66%	1.491.100	98,16%	166,32%
Nợ dài hạn	228.880	20,34%	27.881	1,84%	12,18%
Tổng nợ phải trả	**1.125.428**	**100%**	**1.518.981**	**100%**	**134,97%**

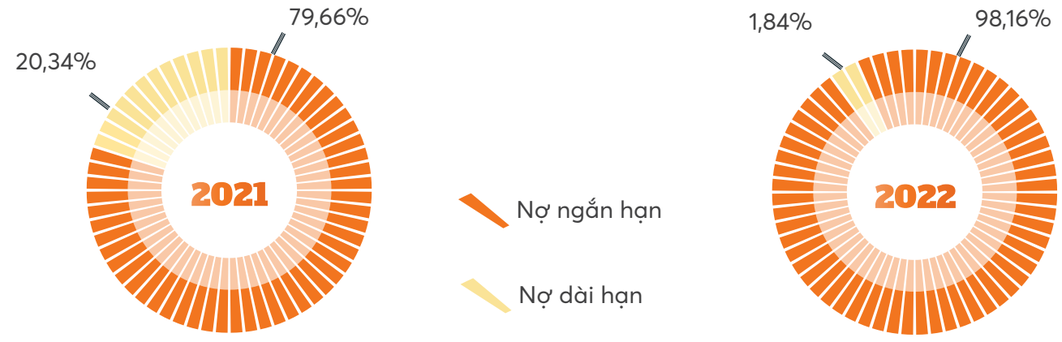

Mặc dù có những khó khăn nhất định, tuy nhiên 2022 là năm hồi phục và tăng trưởng của thị trường xuất khẩu tôm Việt Nam. Chính vì vậy, tận dụng thời cơ cũng như phát huy các lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do, CMX cũng đã nỗ lực đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, mở rộng quy mô sản xuất của Công ty cũng như thị trường tiêu thụ trong năm vừa qua. Do đó, để đảm bảo cung cấp đủ nguồn vốn lưu động, Công ty đã thực hiện các khoản vay tài chính ngắn phục vụ hoạt hoạt động sản xuất kinh doanh khiến nợ ngắn hạn tăng mạnh cũng như cơ cấu nợ cũng có sự thay đổi đáng kể. Tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng từ 79,66% lên 98,16% khiến tỷ trọng nợ dài hạn từ 20,34% giảm xuống chỉ còn 1,84% tại thời điểm cuối năm. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm tăng 462.373 triệu đồng tương đương tăng 79,79% đồng thời chiếm 70,91% trong cơ cấu nợ ngắn hạn.

Ngoài ra, đến cuối năm 2022, Công ty thực hiện thanh toán hết trái phiếu dài hạn đến hạn trả cũng như các khoản nợ vay dài hạn cho ngân hàng Nông nghiệp và ngân hàng Sacombank, chi nhánh Cà Mau, điều này dẫn đến tổng nợ dài hạn giảm 87,82% so với năm 2021.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

- Để đáp ứng định hướng phát triển trong tương lai, Công ty luôn cải tiến chính sách, quản lý, cơ cấu tổ chức và xây dựng quy trình vận hành bài bản, tạo tiền đề vững chắc để tồn tại và cạnh tranh trên thị trường.

- Công ty tập trung đầu tư vào hệ thống nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, giúp giảm chi phí và rủi ro biến động giá tôm nguyên liệu, đảm bảo chất lượng tôm sạch an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế, cũng như đảm bảo nguồn cung nguyên liệu phục vụ sản xuất. Đồng thời, việc áp dụng khoa học và công nghệ cao vào sản xuất giúp tăng chất lượng sản phẩm, giảm giá thành và cải thiện khả năng cạnh tranh trên thị trường, với mục tiêu không sử dụng hóa chất kháng sinh trong quá trình nuôi trồng và chế biến.

- Công ty cũng tổ chức định kỳ các khóa đào tạo để cung cấp kiến thức về nuôi trồng và hệ thống công nghệ cao cho cán bộ nhân viên, đảm bảo hệ thống sản xuất được hoạt động trơn tru và hiệu quả.

- Hơn nữa, Công ty đã tổ chức lại sản xuất theo hướng hợp tác và liên kết để tạo ra vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm tôm Cà Mau.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2023

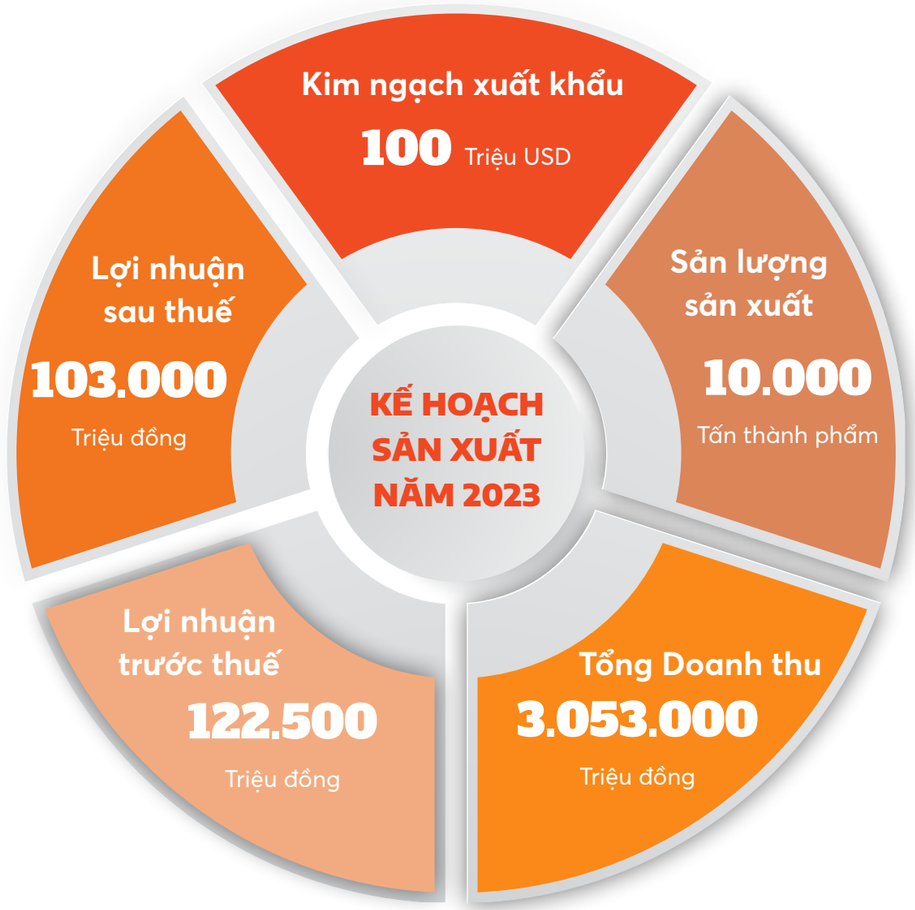

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2023

Dự kiến trong năm 2023, công ty triển khai đầu tư các dự án "Hoàn thiện nhà máy chế biến số 1" với tổng giá trị đầu tư là 303 tỷ đồng (cả VAT)

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Camimex Group vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022, đối mặt với nhiều khó khăn cũng như thuận lợi, Hội đồng quản trị ghi nhận nỗ lực của Ban Điều hành cũng như đội ngũ nhân viên công ty trong việc nắm bắt cơ hội, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh giúp CMX hướng tới các mục tiêu đã đề ra. Mặc dù không đạt được kế hoạch đã đặt ra trước đó nhưng với kết quả kinh doanh tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái, Ban Điều hành công ty đã đưa ra những kế hoạch và chính sách phù hợp, đúng đắn, vừa khắc phục được khó khan, vừa nắm bắt được cơ hội của thị trường. Công ty tiếp tục thực hiện bộ máy tổ chức theo định hướng đã đề ra, nâng cao năng suất lao động cũng như gia tăng nguồn thu nhập cho người lao động.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đánh giá cao các hoạt động liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty, cũng như các chính sách đảm bảo quyền lợi cho đội ngũ công nhân viên trong suốt năm qua. Công ty đã chấp hành đúng và đầy đủ các cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật, đưa ra các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và xã hội. Đồng thời, công ty đã luôn quan tâm và ưu tiên các quyền lợi của tập thể cán bộ nhân viên làm việc tại Camimex Group, nhằm tạo ra môi trường làm việc thân thiện và đem lại nguồn thu nhập tốt cho người lao động.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trải qua năm kinh doanh với nhiều yếu tố vĩ mô biến động lớn, Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Điều hành trong công tác điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Theo đó, Ban điều hành luôn chủ động nắm bắt được tình hình thị trường và có kế hoạch phù hợp, hướng tới mục tiêu đã đặt ra. Đồng thời không ngừng cải tiến công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Ban Tổng Giám đốc cũng đã tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt các chế độ báo cáo tài chính quý, giữa niên độ, báo cáo tài chính năm, thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị công ty.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG

của Hội đồng quản trị

Trong năm kinh doanh tiếp theo, Hội đồng quản trị đặt mục tiêu kinh doanh như sau:

- Kim ngạch xuất khẩu: 100 Triệu USD
- Sản lượng sản xuất: 10.000 tấn thành phẩm
- Tổng doanh thu: 3.053.000 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 122.500 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 103.000 triệu đồng

Ngoài ra, HĐQT cũng đặt ra một số định hướng hoạt động trong năm tiếp theo, như:

- Phấn đấu mở rộng vùng nuôi tôm sinh thái lên 20.000 ha
- Đầu tư nuôi tôm công nghệ cao, từng bước tự chủ một phần nguyên liệu cho sản xuất kinh doanh, phấn đấu tới 2025 tự chủ 20-30% nguyên liệu tôm Vannamei đầu vào
- Đầu tư sang lĩnh vực chế biến cá (chế biến cá tuyết, cá minh thái, cá chẽm, cá hồi), đầu tư nuôi cá (cá hồi, cá chẽm)

Quản trị công ty

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Tính tại thời điểm 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT không điều hành	17.948.690	17,614%
2	Bùi Đức Cường	Thành viên HĐQT điều hành	4.480.000	4,397%
3	Nguyễn Trọng Hà	Thành viên HĐQT không điều hành	30.000	0,029%
4	Huỳnh Văn Tấn	Thành viên HĐQT điều hành	80.000	0,079%
5	Đỗ Văn Hải	Thành viên HĐQT Độc lập	-	-

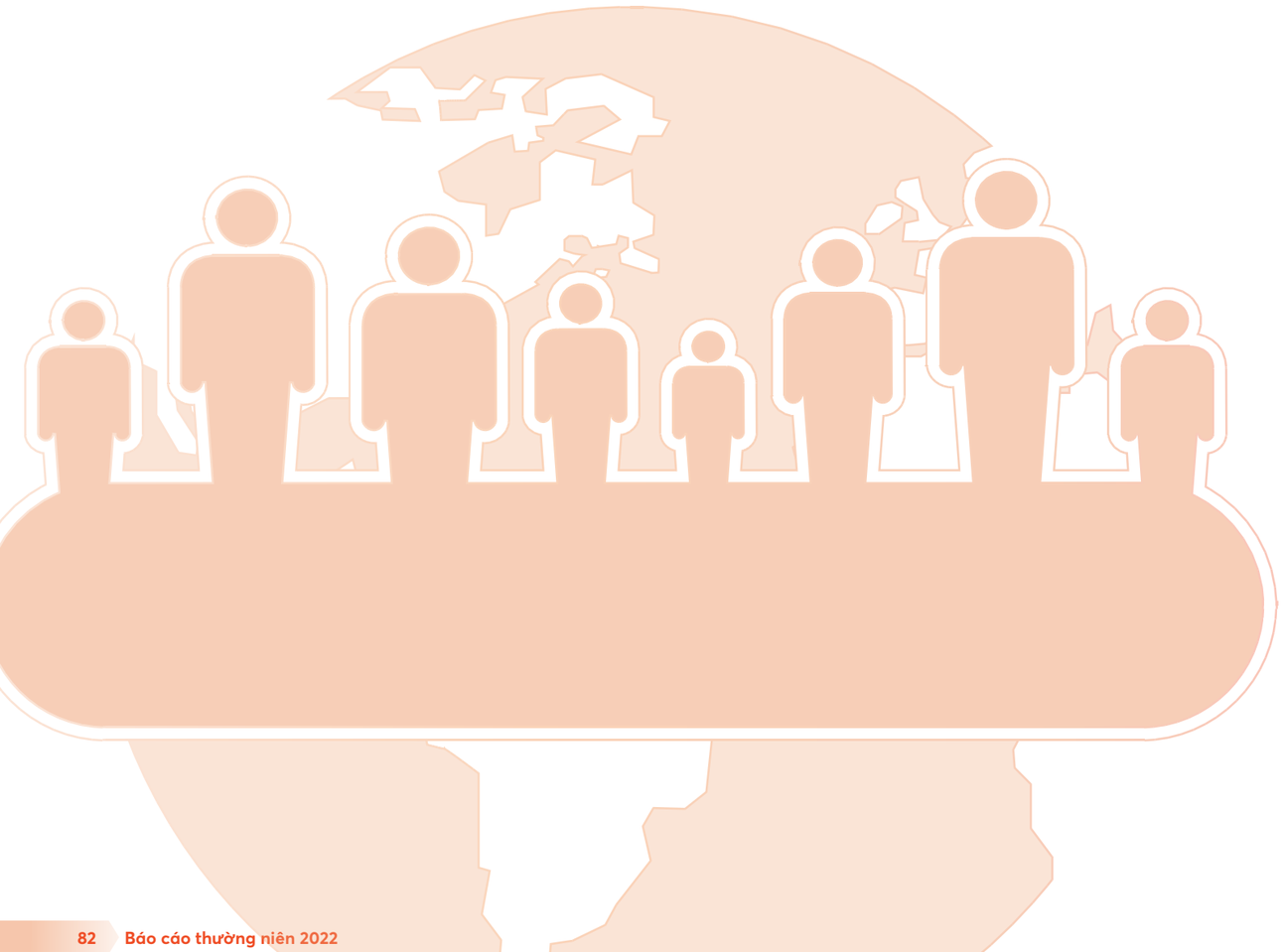

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

ÔNG BÙI SĨ TUẤN

Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh:	12/10/1971
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	12.02A Khối A Chung cư Cao Tầng, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT CTCP Vốn Thiên Niên Kỷ Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP CAMIMEX Chủ tịch HĐTV của Công ty TNHH Camimex Organic Thành viên HĐQT của CTCP Camimex Logistics Chủ tịch HĐQT CTCP Camimex Foods Chủ tịch HĐQT CTCP Công nghệ cao Camimex
Số lượng CP sở hữu:	17.948.690 cổ phần, tương ứng chiếm 17,614% VĐL

Quá trình công tác:

Từ năm 1996 - 2006	Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Từ năm 2006 - 2010	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư CTCP Tập đoàn thủy sản Minh Phú
Từ năm 2010 - 2011	Giám đốc đầu tư CTCP Tập đoàn thủy sản Minh Phú
Từ 10/2012 – 01/2013	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Camimex Group
Từ 24/01/2013 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Camimex Group
Từ năm 2008 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Vốn Thiên Niên Kỷ
Từ 02/2019 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Camimex

ÔNG NGUYỄN TRỌNG HÀ

Thành viên HĐQT

Ngày sinh:	29/06/1974
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	251F, đường Lê Vĩnh Hòa, phường 8, TP.Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Giám đốc của Công ty TNHH Camimex Farm
Số lượng CP sở hữu:	30.000 cổ phần, tương ứng chiếm 0,029% VĐL

Quá trình công tác:

Năm 1999 – 05/2006	Kế toán tổng hợp Xí nghiệp thủy sản Đầm Dơi
Từ 05/2006 – 12/2006	Kế toán Viettel Cà Mau
Từ 01/2007 – 12/2007	Trưởng phòng bán hàng Viettel Cà Mau
Từ 01/2008 – 08/2011	Phó Giám đốc Kinh doanh Viettel Cà Mau
Từ 09/2011 – 10/2020	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Camimex Group
Ngày 28/06/2020 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Camimex Group
Từ 11/2020 – 11/2021	Giám đốc Công ty TNHH Camimex Organic
Từ 09/2021 - nay	Giám đốc Công ty TNHH Camimex Farm

ÔNG BÙI ĐỨC CƯỜNG

Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Xem thông tin tại Chương II - Mục 2 - Tổ chức và nhân sự

ÔNG HUỲNH VĂN TẤN

Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Xem thông tin tại Chương II - Mục 2 - Tổ chức và nhân sự

ÔNG ĐỖ VĂN HẢI

Thành viên HĐQT độc lập

Ngày sinh:	29/07/1974
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Số 33 ngõ 192/92 đường Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ tại các tổ chức khác:	Trưởng Ban bảo hiểm - Tập đoàn TNG-Holdings VN
Số lượng CP sở hữu:	Không có

Quá trình công tác:

Từ 1999 đến 2006	Trưởng phòng kinh doanh Công ty bảo hiểm BIDV-QBE
Từ 2006 đến 2008	Trưởng phòng kinh doanh Công ty Môi giới bảo hiểm Wilis - Grasavoye
Từ 2008 đến 2012	Giám đốc kinh doanh Công ty bảo hiểm Hàng không
Từ 2013 đến 2017	Tổng Giám đốc Công ty bảo hiểm Ngân hàng SHB
Từ 2018 đến nay	Trưởng Ban TNG - Holdings Việt Nam
Từ 2022 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Camimex Group

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Danh sách thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2022

STT	Thành viên	Vị trí HĐQT	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm	Ghi chú
1	Đặng Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT điều hành	22/04/2022	Miễn nhiệm
2	Đỗ Văn Hải	Thành viên HĐQT Độc lập	22/04/2022	Bổ nhiệm

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, HĐQT công ty ban hành Nghị quyết số: 2505/NQ.HĐQT-CMG.22 ngày 25/05/2022 về việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ và bổ nhiệm nhân sự phụ trách bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 20/01/2019 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ tại Công ty để thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của Pháp luật.
- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thành Tâm - sinh ngày 20/01/1980, trình độ cử nhân kế toán làm trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Công ty CP Camimex Group, làm việc theo chế độ chuyên trách, kể từ ngày 25/05/2022.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Giám sát và chỉ đạo Ban lãnh đạo công ty điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng chiến lược do HĐQT đề xuất đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính quý, giữa niên độ, báo cáo tài chính năm, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty. Kịp thời xử lý cá công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT	11/11	100%	
2	Đặng Ngọc Sơn	TV HĐQT điều hành	02/11	50%	Miễn nhiệm ngày 22/04/2022
3	Bùi Đức Cường	TV HĐQT điều hành	11/11	100%	
4	Nguyễn Trọng Hà	TV HĐQT không điều hành	11/11	100%	
5	Huỳnh Văn Tấn	TV HĐQT điều hành	11/11	100%	
6	Đỗ Văn Hải	TV HĐQT độc lập	9/11	50%	Bổ nhiệm ngày 22/04/2022

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

HĐQT có 01 thành viên độc lập là Ông Đỗ Văn Hải. Thành viên độc lập HĐQT có năng lực chuyên môn và có nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty nên có những đóng góp quan trọng trong các quyết sách của HĐQT. Trong năm 2022, Thành viên độc lập HĐQT đều có ý kiến tham gia đầy đủ vào các quyết định/ vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đặc biệt là các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan để đảm bảo tính minh bạch, kiểm soát được xung đột lợi ích, bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên Hội đồng quản trị đã tiếp nhận đầy đủ các chương trình về đào tạo về quản trị công ty trong năm, đồng thời chủ động tự nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề về quản trị công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Nghị quyết hội đồng quản trị năm 2022

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	0701/NQ.HĐQT.CMC.2022	07/01/2022	Thay đổi tài sản góp vốn tại Công ty CP Camimex
2	0103/NQ.HĐQT.CMG	01/03/2022	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
3	2505/NQ.HĐQT.CMG.22	25/05/2022	Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ và thành lập Ban kiểm toán nội bộ
4	2705/NQ.HĐQT.CMG.22	27/05/2022	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
5	01.2705/NQ.HĐQT.CMG.22	27/05/2022	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
6	2306/NQ.HĐQT.CMG	23/06/2022	Triển khai phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
7	2806/NQ.HĐQT/CMG.22	28/06/2022	Điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
8	1307/NQ.HĐQT.CMG	13/07/2022	NQ HĐQT triển khai phát hành Cổ phiếu ESOP
9	0308/NQ.HĐQT.CMG.22	03/08/2022	NQ HĐQT phê chuẩn giao dịch với các công ty thành viên trong tập đoan
10	0408/NQ.HĐQT.CMG	04/08/2022	NQ HĐQT thông qua kết quả phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và ESOP
11	1808/NQ.HĐQT.CMG	18/08/2022	NQ HĐQT tăng vốn điều lệ
12	2710/NQ.HĐQT.CMX.22	28/10/2022	NQ HĐQT bổ sung tài sản đảm bảo phát hành Trái phiếu
13	1611/2022/NQ.HĐQT.CMG	16/11/2022	NQ HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2022
14	2811/NQ.HĐQT.CMX.22	28/11/2022	NQ HĐQT thông qua phương án phát hành Trái phiếu CMXH2326001
15	01.2811/NQ.HĐQT.CMX.22	28/11/2022	NQ HĐQT thông qua hồ sơ phát hành Trái phiếu CMXH2326001
16	0212/NQ.HĐQT.CMG.22	02/12/2022	NQ HĐQT thông qua hợp đồng giữa Công ty và người có liên quan

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Tính tại thời điểm 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng ban	5.000	0,005%
2	Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	5.000	0,005%
3	Nguyễn Hoàng Nghĩ	Thành viên	20.000	0,02%

Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

ÔNG NGUYỄN ĐĂNG DUẨN - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ngày sinh: 31/07/1980

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 47/112 Trần Quốc Toản, phường 8, Quận 3, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học Luật, chứng chỉ tốt nghiệp lớp kế toán tổng hợp

Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH tư vấn đầu tư Prime Legal, Giám đốc Công ty luật TNHH Citad Legal

Số lượng CP sở hữu: 5.000 cổ phần, tương ứng chiếm 0,005% VĐL

Quá trình công tác:

Từ năm 2002 - 2007	Chuyên viên Tư Vấn Công ty tư vấn Thái Dương
Từ năm 2007 - 2018	Luật sư, trưởng chi nhánh Văn phòng luật sư Prime VN tại TP.HCM
Từ năm 2011 - nay	Luật sư Công ty TNHH tư vấn đầu tư Ecolaw
Từ 02/2019 - 06/2021	Trưởng ban kiểm soát CTCP Camimex
Từ 08/2019 - nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Camimex Group

ÔNG NGUYỄN VĂN THẮNG - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày sinh: 19/08/1971

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 13 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế chuyên ngành Tài chính tín dụng, Đại học Luật

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng CP sở hữu: 5.000 cổ phần, tương ứng chiếm 0,005% VĐL

Quá trình công tác:

Từ năm 1997 - 2002	Công tác tại Tổng công ty Xây dựng số 1
Từ năm 2003 - 2005	Công tác tại Công ty CP Dịch vụ hàng hải và Du lịch Sài Gòn
Từ năm 2006 - 2009	Công tác tại Công ty Cổ phần Nhật Quân Anh
Từ năm 2010 - 2014	Công tác tại Công ty CP Tân Hoàng Thắng
Từ năm 2015 – 02/2019	Trưởng ban kiểm soát nội bộ Công ty TNHH Thủy sản Camimex
Từ 02/2019 - 06/2021	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Camimex
Từ 20/07/2016 - nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Camimex Group

ÔNG NGUYỄN HOÀNG NGHĨ - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày sinh: 01/10/1980

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Khóm 8, Phường 8, TP.Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Trình độ chuyên môn: Trung học Kế toán Doanh Nghiệp, Đại học Quản trị Kinh doanh

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng CP sở hữu: 20.000 cổ phần, tương ứng chiếm 0,02% VĐL

Quá trình công tác:

Năm 2000 - 2002	Nhân viên Phòng TCHC Công ty CP chế biến và XNK Cadovimex
Năm 2002 - 2006	Nhân viên Phòng Kế toán Tổng hợp Công ty CP Thực phẩm Thủy sản xuất khẩu Cà Mau
Năm 2007 – 06/2009	Nhân viên Tổ chức hành chánh Công ty CP Camimex Group
Từ 06/2009 – nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Camimex Group
Từ 07/12/2014 - nay	Thành viên Ban kiểm soát, Nhân viên phụ trách Công bố thông tin Công ty CP Camimex Group

BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp do Ban lãnh đạo công ty tổ chức nhằm tăng cường giám sát mọi lĩnh vực hoạt động của công ty.

- Ban Kiểm soát Công ty hàng năm đã giám sát và đảm bảo mọi công tác chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được triển khai đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022. Đồng thời, đảm bảo Ban Tổng Giám đốc thực hiện công tác công bố thông tin kịp thời, đảm bảo thông tin minh bạch, rõ ràng đến với cổ đông và các nhà đầu tư.

- Ban Kiểm soát cũng tiến hành giám sát tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, lập và trình bày đúng theo chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng. Việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện rà soát và kiểm toán báo cáo tài chính 2022 tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2022

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng BKS	04/04	100%
2	Nguyễn Văn Thắng	Thành viên BKS	04/04	100%
3	Nguyễn Hoàng Nghĩ	Thành viên BKS	04/04	100%

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng / năm

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1	Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000
2	Huỳnh Văn Tấn	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	255.371.663	96.000.000
3	Bùi Đức Cường	Thành viên HĐQT kiêm PTGĐ	257.350.826	93.000.000
4	Đặng Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT kiêm PTGĐ	255.368.842	29.866.667
5	Nguyễn Trọng Hà	Thành viên HĐQT	-	96.000.000
6	Đỗ Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	-	66.400.000
7	Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng BKS	-	72.000.000
8	Nguyễn Hoàng Nghĩ	Thành viên BKS	-	48.000.000
9	Nguyễn Văn Thắng	Thành viên BKS	-	48.000.000
	Cộng		**712.662.133**	**477.266.667**

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Bùi Đức Cường	TV HĐQT kiêm Phó TGĐ	6.222.000	6,85	4.480.000	4,4	Bán, Thưởng
2	Bùi Sĩ Tuấn	Chủ Tịch HĐQT	16.271.537	17,92	17.948.690	17,61	Thưởng
3	Huỳnh Văn Tấn	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	-	80.000	0,078	Mua, Thưởng
4	Nguyễn Trọng Hà	TV HĐQT	-	-	30.000	0,029	Mua, Thưởng
5	Huỳnh Công Nhân	Kế Toán Trưởng	-	-	100.000	0,098	Mua
6	Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng BKS	-	-	5.000	0,005	Thưởng
7	Nguyễn Văn Thắng	TV BKS	-	-	5.000	0,005	Thưởng
8	Nguyễn Hoàng Nghĩ	TV BKS	-	-	20.000	0,02	Mua
9	Vũ Thị Bích Ngọc	Công ty có liên quan Chủ tịch HĐQT	3.300.000	10,85	3.898.000	3,82	Mua

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tên người nội bộ có liên quan	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH MTV Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Vĩnh Hải	Nguyễn Đăng Duẩn - Trưởng BKS	2001165858 ngày cấp 29/09/2014, nơi cấp Tỉnh Cà Mau	Số 261, đường Lê Vĩnh Hòa, khóm 8, phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	2021 và 2022	958.590.780 đồng

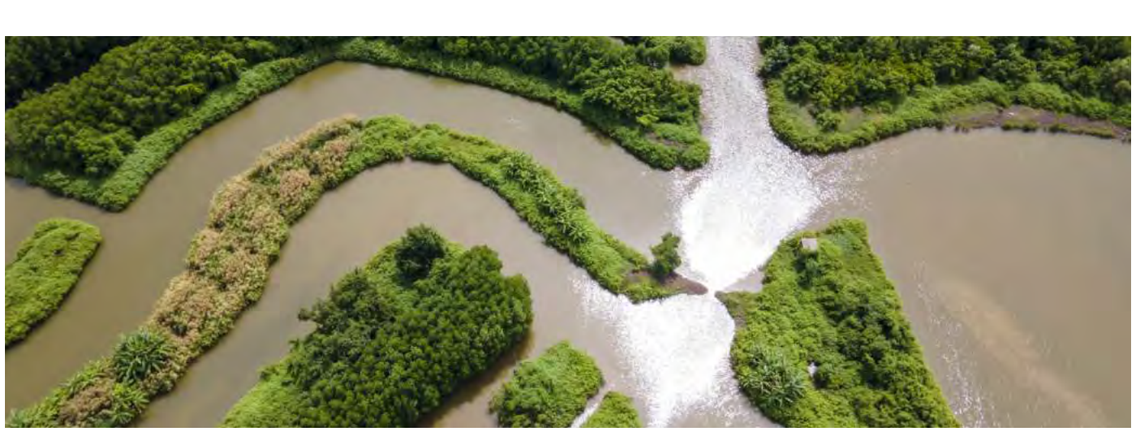

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát.

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	CTCP Camimex Foods	Công ty con	2001309274 ngày cấp 14/03/2019, nơi cấp tỉnh Cà Mau	Số 969, đường Lý Thường Kiệt, P.6, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau		2021 và 2022	117.959.390.664 đồng
2	CTCP Camimex Logistics	Công ty con	0315120124, ngày cấp 22/06/2018, nơi cấp TP HCM	33/3 Gò Ô Môi, Khu phố 2, P. Phú Thuận, Quận 7, TP Hồ Chí Minh	Nghị quyết HĐQT số 0308/ NQ.HĐQT. CMG.22 ngày 03/08/2022	2021 và 2022	4.168.733.176 đồng
3	CTCP Camimex	Công ty con	2001122903 ngày cấp 06/06/2013, nơi cấp Tỉnh Cà Mau	Số 333, đường Cao Thắng, P. 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau		2021 và 2022	133.136.784.956 đồng

Đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty

- Niêm yết từ năm 2010, công ty đã liên tục cập nhật các quy định do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc áp dụng vào công tác quản trị nội bộ của công ty. Hội đồng quản trị của chúng tôi đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 nhằm bảo vệ quyền lợi tối đa của các cổ đông.

- Mọi hoạt động của HĐQT, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác tuân thủ điều lệ công ty, pháp luật hiện hành, công bằng, minh bạch, tôn trọng quyền và lợi ích cổ đông.

Báo cáo tài chính kiểm toán

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty
Công ty Cổ phần Camimex Group (tên cũ là Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau) được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 22 tháng 8 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở hoạt động
Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Điện thoại : 0290.3831608
Fax : 0290.3836257

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020
Ông Huỳnh Văn Tấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020 Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022
Ông Đỗ Văn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Trọng Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Nghĩ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Văn Tấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Đặng Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019

Đại diện theo pháp luật
Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Huỳnh Văn Tấn - Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 01/UQ/HĐQT/CMG.2023 ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Kiểm toán viên
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính
Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
CAMIMEX GROUP
MSDN: 2000103908
TP. CÀ MAU - T. CÀ MAU

Bùi Sĩ Tuấn
Chủ tịch

Ngày 22 tháng 3 năm 2023

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn
bakertilly A&C
www.a-c.com.vn

Số: 4.0171/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

bakertilly A&C

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ

Nguyễn Hữu Danh
Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1242-2023-008-1
Người được ủy quyền

Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3592-2021-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**2.149.651.835.330**	**1.729.566.028.845**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**26.699.694.494**	**26.838.603.731**
1. Tiền	111		26.699.694.494	26.838.603.731
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**220.000.000.000**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	220.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**909.934.183.149**	**824.662.213.520**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	768.530.921.269	550.542.124.149
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	135.975.443.248	70.412.709.215
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	840.000.000	200.390.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	6.442.952.736	5.137.114.260
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.855.134.104)	(1.819.734.104)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**969.360.953.143**	**862.499.021.642**
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.010.576.627.731	901.855.869.025
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(41.215.674.588)	(39.356.847.383)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**23.657.004.544**	**15.566.189.952**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	692.839.294	1.129.594.491
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.695.300.483	7.964.147.330
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	6.268.864.767	6.472.448.131
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**764.379.723.635**	**692.018.266.238**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**8.497.059.124**	**8.750.672.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	8.497.059.124	8.750.672.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**373.686.833.373**	**334.326.108.211**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	313.433.338.085	311.601.602.514
- *Nguyên giá*	*222*		*672.249.973.094*	*625.967.754.237*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(358.816.635.009)*	*(314.366.151.723)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	13.402.469.102	22.338.803.006
- *Nguyên giá*	*225*		*45.424.320.258*	*45.424.320.258*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		*(32.021.851.156)*	*(23.085.517.252)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	46.851.026.186	385.702.691
- *Nguyên giá*	*228*		*53.251.118.890*	*6.104.523.542*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(6.400.092.704)*	*(5.718.820.851)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**164.095.948.119**	**142.915.617.497**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	164.095.948.119	142.915.617.497
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**186.397.414.736**	**186.974.158.784**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	171.627.838.069	172.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	9.974.158.784	9.974.158.784
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(204.582.117)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2c	5.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**31.702.468.283**	**19.051.709.746**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	28.272.972.070	17.886.047.740
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	3.429.496.213	1.165.662.006
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**2.914.031.558.965**	**2.421.584.295.083**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.518.981.154.116**	**1.125.428.492.054**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.491.099.883.159**	**896.548.760.626**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	271.362.284.439	180.668.714.743
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	2.689.320.646	2.910.417.717
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	22.152.650.869	16.658.000.747
4. Phải trả người lao động	314	V.18	14.766.608.919	8.861.997.130
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	7.323.954.507	6.880.759.614
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	108.925.137.686	99.166.515.831
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1.061.984.874.177	579.507.302.928
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	1.895.051.916	1.895.051.916
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**27.881.270.957**	**228.879.731.428**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	613.200.000	450.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	27.268.070.957	228.429.731.428
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.395.050.404.849**	**1.296.155.803.029**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**1.395.050.404.849**	**1.296.155.803.029**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23a	1.018.989.900.000	908.175.020.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*1.018.989.900.000*	*908.175.020.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23a	5.106.126.126	55.856.126.126
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23a	479.579.319	542.933.836
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23a	133.602.465.825	116.758.377.755
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*67.756.852.272*	*116.758.377.755*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*65.845.613.553*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23a	236.872.333.579	214.823.345.312
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**2.914.031.558.965**	**2.421.584.295.083**

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Trần Quốc Phong	Huỳnh Công Nhân	Huỳnh Văn Tấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**2.923.640.737.100**	**2.097.799.555.425**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**VI.2**	**23.533.074.010**	**4.154.132.115**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**2.900.107.663.090**	**2.093.645.423.310**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.3**	**2.541.242.579.254**	**1.804.745.307.392**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**358.865.083.836**	**288.900.115.918**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	**VI.4**	**59.414.162.562**	**13.502.935.776**
7. Chi phí tài chính	**22**	**VI.5**	**122.731.712.261**	**55.865.624.378**
Trong đó: chi phí lãi vay	23		60.847.957.545	46.171.514.160
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	**24**	**V.2b**	**(572.161.931)**	-
9. Chi phí bán hàng	**25**	**VI.6**	**119.018.749.355**	**91.920.420.442**
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**26**	**VI.7**	**63.021.439.829**	**59.129.213.296**
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**112.935.183.022**	**95.487.793.578**
12. Thu nhập khác	**31**	**VI.8**	**1.397.737.696**	**15.375.651.600**
13. Chi phí khác	**32**	**VI.9**	**8.279.952.138**	**11.716.573.694**
14. Lợi nhuận khác	**40**		**(6.882.214.442)**	**3.659.077.906**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**106.052.968.580**	**99.146.871.484**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**51**	**V.17**	**17.438.017.305**	**15.071.202.460**
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**52**	**VI.10**	**(2.263.834.207)**	**551.479.344**
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**90.878.785.482**	**83.524.189.680**
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	***61***		***65.845.613.553***	***68.160.628.748***
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	***62***		***25.033.171.929***	***15.363.560.932***
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.11a**	**651**	**1.418**
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**VI.11a**	**651**	**1.418**

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Trần Quốc Phong	Huỳnh Công Nhân	Huỳnh Văn Tấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***106.052.968.580***	***99.146.871.484***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, 11, 12	55.428.610.394	52.096.812.817
- Các khoản dự phòng	03	V.2c, V.7, V.8	2.098.809.322	3.076.546.757
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	(13.825.088.006)	1.856.422.153
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(1.082.046.579)	(1.497.528.803)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	60.847.957.545	46.171.514.160
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	96.542.802
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***209.521.211.256***	***200.947.181.370***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(48.814.384.024)	(257.078.850.710)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(103.010.965.095)	(255.720.866.225)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(158.483.663.292)	5.220.318.045
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.224.232.989	2.722.365.606
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(60.338.762.652)	(43.774.835.792)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(12.081.721.173)	(9.665.327.417)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(165.984.051.991)***	***(357.450.015.123)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, 12, 13	(121.281.737.051)	(51.024.031.491)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		181.818.182	32.907.938.087
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(231.000.000.000)	(212.409.522.177)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		210.550.000.000	43.551.651.757
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(200.000.000)	(235.620.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	737.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.657.534	816.280.204
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(141.728.261.335)***	***(421.040.683.620)***

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.23a	11.000.000.000	654.937.510.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21a,b	3.370.228.312.147	3.131.266.306.930
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21a,b	(3.055.179.851.794)	(2.980.147.733.700)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21a,b	(17.902.078.102)	(7.346.982.729)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***308.146.382.251***	***798.709.100.501***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**434.068.925**	**20.218.401.758**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**26.838.603.731**	**6.282.632.017**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(572.978.162)	337.569.956
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**26.699.694.494**	**26.838.603.731**

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Trần Quốc Phong	Huỳnh Công Nhân	Huỳnh Văn Tấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn thủy sản và gia công thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 05 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn
Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex	Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Gia công, chế biến, xuất khẩu	76,69%	76,69%	76,69%	76,69%
Công ty TNHH Camimex Organic(i)	Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Sản xuất, kinh doanh tôm giống	80,55%	80,55%	99,01%	99,01%
Công ty Cổ phần Camimex Logistics	33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê kho đông lạnh; vận chuyển hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu	86,67%	86,67%	86,67%	86,67%
Công ty Cổ phần Camimex Foods(ii)	Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	96,08%	96,08%	99,97%	99,97%
Công ty TNHH Camimex Farm(iii)	Ấp Nam Chánh, xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	Nuôi tôm	86,48%	44,15%	99,34%	44,15%

(i) Công ty nắm giữ 19,8% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Camimex Organic và 79,21% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Camimex.

(ii) Công ty nắm giữ 83,3% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty Cổ phần Camimex Foods và 16,67% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Camimex.

(iii) Công ty nắm giữ 44,15% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Camimex Farm và 55,19% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Camimex.

5c. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex	Ấp 1, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Nuôi tôm	38,11%	38,11%	38,11%	38,11%
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị	Trại sản xuất giống thủy sản mặn lợ Cửa Tùng, thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất giống thủy sản, nuôi tôm, nuôi cá, nuôi thủy sản khác	49%	49%	49%	49%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên
Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.335 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.254 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng
Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12

năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và Ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày

đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (không quá 50 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Phí bảo lãnh vay vốn

Phí bảo lãnh vay vốn phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 44
Máy móc và thiết bị	03 - 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	05

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (33 - 43 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan

đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	445.986.019	2.265.420.393
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.253.708.475	24.573.183.338
Cộng	**26.699.694.494**	**26.838.603.731**

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	***220.000.000.000***	***220.000.000.000***	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 06 - 12 tháng (*)	220.000.000.000	220.000.000.000	-	-
Dài hạn	***5.000.000.000***	***5.000.000.000***	***5.000.000.000***	***5.000.000.000***
Tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng (**)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	**225.000.000.000**	**225.000.000.000**	**5.000.000.000**	**5.000.000.000**

(*) Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị ghi sổ là 200.000.000.000 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau và khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị ghi sổ là 5.000.000.000 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.21a).

(**) Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.21b).

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex (i)	171.500.000.000	(572.161.931)	170.927.838.069	171.500.000.000	-	171.500.000.000
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị(ii)	700.000.000	-	700.000.000	500.000.000	-	500.000.000
Cộng	**172.200.000.000**	**(572.161.931)**	**171.627.838.069**	**172.000.000.000**	-	**172.000.000.000**

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001322370 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28 tháng 6 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex 171.500.000.000 VND,

tương đương 38,11% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã góp đủ vốn điều lệ vào Công ty này.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200698186 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp thì Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Trong năm, Tập đoàn đã đầu tư thêm 200.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị là 700.000.000 VND, số còn phải góp thêm là 4.200.000.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex	171.500.000.000	-	(572.161.931)	170.927.838.069
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị	500.000.000	200.000.000	-	700.000.000
Cộng	**172.000.000.000**	**200.000.000**	**(572.161.931)**	**171.627.838.069**

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết
Các công ty liên kết hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giao dịch với các công ty liên kết
Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex		
Góp vốn bằng tiền	-	(620.000.000)
Nhận tiền hoàn lại từ dự án nuôi tôm công nghệ cao	-	11.512.270.000
Nhận ký quỹ, ký cược	-	80.850.000.000
Cho vay	(450.000.000)	-
Trả tiền vay	-	(5.000.000.000)
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị		
Góp vốn bằng tiền	(200.000.000)	-

2c. *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn (i)	8.974.158.784	(204.582.117)	8.974.158.784	-
Công ty Cổ phần Camimex – Nutrition (ii)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	**9.974.158.784**	**(204.582.117)**	**9.974.158.784**	**-**

(i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 528.500 cổ phiếu, tương đương 10,57% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108795337 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex - Nutrition 1.000.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã góp đủ vốn điều lệ vào Công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý
Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	1.712.329.451
Trích lập dự phòng bổ sung	204.582.117	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.712.329.451)
Số cuối năm	**204.582.117**	**-**

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	***94.655.721.939***	***64.447.589.230***
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	92.777.670.000	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	960.051.939	947.589.230
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	918.000.000	-
Ông Bùi Đức Dũng	-	63.500.000.000
Phải thu các khách hàng khác	***673.875.199.330***	***486.094.534.919***
Công ty TNHH Thương mại Thảo Vy Cà Mau	-	49.221.000.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	-	143.488.800.000
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	292.513.958.485	104.200.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản Long Thành Hưng	249.925.892.240	-
Các khách hàng khác	131.435.348.605	189.184.734.919
Cộng	**768.530.921.269**	**550.542.124.149**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	***2.500.000.000***	***3.820.437.215***
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	-	1.320.437.215
Ông Bùi Đức Cường	2.500.000.000	2.500.000.000
Trả trước cho các người bán khác	***133.475.443.248***	***66.592.272.000***
CMC Seafood Corporation	-	1.133.500.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường Giang	46.822.391.000	8.540.620.000
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Recom	60.953.799.716	14.921.277.959
Bà Trịnh Thị Thanh Nhàn	-	25.321.680.000
Các nhà cung cấp khác	25.699.252.532	16.675.194.041
Cộng	**135.975.443.248**	**70.412.709.215**

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho bên liên quan vay	***840.000.000***	***390.000.000***
Cho Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex vay không lãi suất	840.000.000	390.000.000
Cho cá nhân khác vay	-	***200.000.000.000***
Cho Bà Nguyễn Quỳnh Hoa vay không lãi suất	-	200.000.000.000
Cộng	**840.000.000**	**200.390.000.000**

6. Phải thu khác

6a. *Phải thu ngắn hạn khác*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng nhân viên	2.454.216.311	-	3.813.217.724	-
Tổ chức thực hiện chứng nhận quốc tế tôm rừng sinh thái - Chi hộ tiền dự án 2 sinh thái Camimex - Đất Mũi - Cà Mau	1.715.950.200	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	637.397.260	-	194.219.178	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.635.388.965	-	1.129.677.358	-
Cộng	**6.442.952.736**	**-**	**5.137.114.260**	**-**

6b. *Phải thu dài hạn khác*

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác						
Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long - Trả trước người bán	Trên 3 năm	739.361.500	-	Trên 3 năm	739.361.500	-
Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ lạnh Á Châu - Trả trước người bán	Trên 3 năm	628.757.406	-	Trên 3 năm	628.757.406	-
Công ty TNHH MTV Cơ điện lạnh Huy Hoàng - Trả trước người bán	Trên 3 năm	149.193.000	-	Trên 3 năm	149.193.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	337.822.198	-	Từ 2 năm đến trên 3 năm	337.822.198	35.400.000
Cộng		**1.855.134.104**	**-**		**1.855.134.104**	**35.400.000**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.819.734.104	18.678.092.207
Trích lập dự phòng bổ sung	35.400.000	1.819.734.104
Xử lý xóa nợ	-	(18.678.092.207)
Số cuối năm	**1.855.134.104**	**1.819.734.104**

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.560.484.009	-	13.277.347.945	-
Công cụ, dụng cụ	1.446.557.719	-	1.867.310.265	-
Thành phẩm	1.000.569.586.003	(41.215.674.588)	886.711.210.815	(39.356.847.383)
Cộng	**1.010.576.627.731**	**(41.215.674.588)**	**901.855.869.025**	**(39.356.847.383)**

Một số thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 402.000.000.000 VND (số đầu năm là 276.600.000.000 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	39.356.847.383	36.387.705.279
Trích lập dự phòng trong năm	1.858.827.205	2.969.142.104
Số cuối năm	**41.215.674.588**	**39.356.847.383**

9. Chi phí trả trước

9a. *Chi phí trả trước ngắn hạn*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	313.920.321	1.111.342.523
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	378.918.973	18.251.968
Cộng	**692.839.294**	**1.129.594.491**

9b. *Chi phí trả trước dài hạn*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.075.094.097	4.768.139.372
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	7.281.438.611	6.714.436.196
Tiền thuê đất(*)	15.114.600.142	1.148.640.414
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	47.814.508	117.814.504
Phí bảo lãnh vay vốn	277.543.061	398.426.393
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.476.481.651	4.738.590.861
Cộng	**28.272.972.070**	**17.886.047.740**

(*) Trong đó, tiền thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 14.002.042.672 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.21a).

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	222.649.195.029	342.342.619.697	56.404.757.816	4.571.181.695	625.967.754.237
Mua trong năm	14.516.812.469	6.057.853.999	3.704.681.239	244.800.000	24.524.147.707
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.903.435.102	14.635.704.552	-	-	25.539.139.654
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.781.068.504)	-	(3.781.068.504)
Số cuối năm	**248.069.442.600**	**363.036.178.248**	**56.328.370.551**	**4.815.981.695**	**672.249.973.094**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	38.950.170.008	60.670.463.450	3.498.655.526	1.326.524.771	104.445.813.755
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	96.073.764.661	190.218.094.525	25.216.713.756	2.857.578.781	314.366.151.723
Khấu hao trong năm	16.512.268.938	23.749.471.104	5.209.272.417	339.992.178	45.811.004.637
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.360.521.351)	-	(1.360.521.351)
Số cuối năm	**112.586.033.599**	**213.967.565.629**	**29.065.464.822**	**3.197.570.959**	**358.816.635.009**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	126.575.430.368	152.124.525.172	31.188.044.060	1.713.602.914	311.601.602.514
Số cuối năm	**135.483.409.001**	**149.068.612.619**	**27.262.905.729**	**1.618.410.736**	**313.433.338.085**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 203.264.801.732 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng và Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.21a và V.21b).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu năm	45.424.320.258
Số cuối năm	**45.424.320.258**
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	23.085.517.252
Khấu hao trong năm	8.936.333.904
Số cuối năm	**32.021.851.156**
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	22.338.803.006
Số cuối năm	**13.402.469.102**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.011.413.542	1.093.110.000	6.104.523.542
Mua trong năm	26.755.006.417	90.000.000	26.845.006.417
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	20.301.588.931	-	20.301.588.931
Số cuối năm	**52.068.008.890**	**1.183.110.000**	**53.251.118.890**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	526.135.808	526.135.808
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.917.766.683	801.054.168	5.718.820.851
Khấu hao trong năm	476.938.246	204.333.607	681.271.853
Số cuối năm	**5.394.704.929**	**1.005.387.775**	**6.400.092.704**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	93.646.859	292.055.832	385.702.691
Số cuối năm	**46.673.303.961**	**177.722.225**	**46.851.026.186**

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 44.024.657.102 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	50.320.246	29.561.492.500	-	-	29.611.812.746
Xây dựng cơ bản dở dang	142.865.297.251	40.529.017.700	(45.840.728.585)	(3.069.450.993)	134.484.135.373
- Công trình sửa chữa xí nghiệp 5	*7.492.033.611*	-	-	-	*7.492.033.611*
- Công trình hệ thống xử lý nước thải xí nghiệp 5	*22.494.312.000*	-	-	-	*22.494.312.000*
- Công trình nhà xưởng Foods	*21.388.248.543*	-	-	-	*21.388.248.543*
- Văn phòng giao dịch Foods	*18.207.940.000*	-	-	-	*18.207.940.000*
- Công trình nhà nuôi tôm	-	*5.353.034.322*	*(2.461.840.387)*	*(2.891.193.935)*	-
- Dự án đầu tư xây dựng nghiên cứu sản xuất thủy sản công nghệ cao	-	*23.346.242.000*	-	-	*23.346.242.000*
- Các công trình khác	*73.282.763.097*	*11.829.741.378*	*(43.378.888.198)*	*(178.257.058)*	*41.555.359.219*
Cộng	**142.915.617.497**	**70.090.510.200**	**(45.840.728.585)**	**(3.069.450.993)**	**164.095.948.119**

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ			
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi chưa thực hiện	*1.165.662.006*	*2.263.834.207*	*3.429.496.213*
Cộng	**1.165.662.006**	**2.263.834.207**	**3.429.496.213**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***7.997.780.830***	***16.496.971.247***
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex	-	431.315.503
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	464.834.108	1.184.859.192
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	7.532.946.722	14.880.796.552
Phải trả các nhà cung cấp khác	***263.364.503.609***	***164.171.743.496***
Hai Yang International Inc	10.621.871.440	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	50.097.743.168	59.637.551.824
Công ty TNHH MTV Bùi Ngọc Trâm	-	32.203.840.392
Công ty TNHH Nền tảng Tài chính số Vina - Chi nhánh Hà Nội	25.569.628.928	-
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	90.135.828.000	-
Công ty TNHH Thủy sản Bùi Ngọc Quyên	9.805.268.990	-
Interseas., Ltd	-	5.763.875.760
Các nhà cung cấp khác	77.134.163.083	66.566.475.520
Cộng	**271.362.284.439**	**180.668.714.743**

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác		
Bà Phạm Thị Lanh	1.350.000.000	-
Các khách hàng khác	1.339.320.646	2.910.417.717
Cộng	**2.689.320.646**	**2.910.417.717**

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng
Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hàng thuỷ sản xuất khẩu	0%
- Hàng thuỷ sản đã qua sơ chế bán trong nước	5%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước	10%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu
Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Camimex Group
Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Công ty Cổ phần Camimex
Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Công ty TNHH Camimex Organic
Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ, Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Công ty Cổ phần Camimex Logistic
Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Công ty Cổ phần Camimex Foods
Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex Group	1.399.680.607	2.689.130.501
Công ty Cổ phần Camimex	14.078.221.766	10.136.121.477
Công ty Cổ phần Camimex Organic	-	488.552.030
Công ty Cổ phần Camimex Logistic	660.277.487	408.205.815
Công ty Cổ phần Camimex Foods	1.299.837.445	1.349.192.637
Cộng	**17.438.017.305**	**15.071.202.460**

Thuế tài nguyên
Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất với mức 5.000 VND/m^3 và cho hoạt động khai thác nước trên mặt với mức 4.000 VND/m^3.

Tiền thuê đất
Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Diện tích (m^2)	Mức tiền thuê (VND/m^2/năm)
- Thửa số 34 tờ bản đồ 82, phường Phú Nhuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	1.472,7	161.728
	819,5	56.448

Các loại thuế khác
Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động
Là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức khác		
Chi phí lãi vay phải trả	7.323.954.507	6.814.759.614
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	66.000.000
Cộng	**7.323.954.507**	**6.880.759.614**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Phải trả khác
20a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***81.337.101.685***	***80.850.000.000***
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex - Nhận ký quỹ, ký cược	80.850.000.000	80.850.000.000
Các cá nhân có liên quan - Cổ tức phải trả	487.101.685	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	***27.588.036.001***	***18.316.515.831***
Tài sản thừa chờ giải quyết	9.915.579	9.915.579
Kinh phí công đoàn	6.371.102.011	5.147.385.208
Bảo hiểm xã hội	2.350.775.686	904.688.089
Cổ tức phải trả	2.497.081.977	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	490.000.000	490.000.000
Coop Basel - Tiền mượn	8.054.226.827	7.779.303.787
Jullia Alex Asianfood - Tiền đặt cọc chuyến không đúng hợp đồng	6.698.967.994	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.115.965.927	3.985.223.168
Cộng	**108.925.137.686**	**99.166.515.831**

20b. Phải trả dài hạn khác
Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	-	2.059.845.908
Coop, Basel - Tiền mượn	-	7.779.303.787
Cộng	**-**	**9.839.149.695**

21. Vay và nợ thuê tài chính
21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	***8.720.000.000***	***8.970.000.000***
Các cá nhân có liên quan (x)	8.720.000.000	8.970.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	***1.053.264.874.177***	***570.537.302.928***
Vay ngắn hạn ngân hàng	722.850.886.478	498.675.325.080
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau (i)	*109.448.954.018*	*153.464.922.570*
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (ii)	*145.022.989.776*	*154.602.231.603*
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (iii)	*68.653.332.473*	*78.762.175.100*
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iv)	*25.194.608.495*	*31.363.117.926*

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (v)	*36.777.037.830*	*43.281.860.321*
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cà Mau (vi)	*110.111.322.386*	*37.201.017.560*
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau(vii)	*197.672.641.500*	-
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình(viii)	*25.000.000.000*	-
- Vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cà Mau(ix)	*4.970.000.000*	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	109.410.187.152	54.147.000.000
- Vay Công ty TNHH Phát triển Vgrowth (xi)	*5.027.582.600*	*10.000.000.000*
- Các tổ chức và cá nhân khác(x)	*104.382.604.552*	*44.147.000.000*
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	5.548.995.000	7.431.176.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	16.722.207.944	10.283.801.848
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	198.732.597.603	-
Cộng	**1.061.984.874.177**	**579.507.302.928**

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:
- Công ty mẹ: vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp sổ tiền gửi tiết kiệm của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
- Công ty Cổ phần Camimex: vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.8 và VII.1a).

(ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.8, V.10 và V.11).

(iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý (xem thuyết minh số V.9).

(iv) Vay không có tài sản đảm bảo của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng.

(v) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9 và VII.1a).

(vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa và tiền thuê đất (xem thuyết minh số V.8 và V.9a).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(vii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).

(viii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex Foods tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 4,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.10 và V11).

(ix) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi, quyền đòi nợ, lô hàng hình thành trong tương lai phát sinh từ các hợp đồng xuất khẩu hàng hóa (xem thuyết minh số V.2a).

(x) Khoản vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác không lãi suất để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh.

(xi) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH Phát triển Vgrowth để thu mua tôm nguyên liệu với lãi suất 15,6%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	498.675.325.080	3.056.982.734.121	-	(2.817.402.187.845)	(15.404.984.878)	722.850.886.478
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	22.497.000.000	52.740.161.696	-	(42.901.487.949)	(425.486.595)	31.910.187.152
Vay ngắn hạn các cá nhân	40.620.000.000	233.045.000.000	-	(187.445.000.000)	-	86.220.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.431.176.000	-	5.548.995.000	(7.431.176.000)	-	5.548.995.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	10.283.801.848	-	15.932.674.956	(9.494.268.860)	-	16.722.207.944
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	-	-	198.732.597.603	-	-	198.732.597.603
Cộng	**579.507.302.928**	**3.342.767.895.817**	**220.214.267.559**	**(3.064.674.120.654)**	**(15.830.471.473)**	**1.061.984.874.177**

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Vay dài hạn ngân hàng	3.768.466.000	6.597.461.000
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau (i)	*3.768.466.000*	*6.597.461.000*
Vay dài hạn các tổ chức khác	4.110.000.000	6.830.000.000
Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (ii)	*4.110.000.000*	*6.830.000.000*
Nợ thuê tài chính	19.389.604.957	19.280.114.311

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn 05 năm.	*2.833.159.330*	*12.175.114.311*
Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 8%/năm, thời hạn 05 năm	*16.556.445.627*	*7.105.000.000*
Trái phiếu thường dài hạn (iii)	-	195.722.156.117
Cộng	**27.268.070.957**	**228.429.731.428**

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:
- Công ty Cổ phần Camimex: vay để mua xe ô tô với lãi suất của 6 tháng đầu tiên là 9,0%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 48 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- Công ty Cổ phần Camimex Foods: vay để đầu tư mua sắm tài sản cố định, với lãi suất thay đổi theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hằng tháng, thanh toán lần đầu tiên vào ngày 25 tháng 7 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

(ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam để đầu tư nhà máy xử lý nước thải-1000m3/ngày đêm tại nhà máy xí nghiệp 5 với lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 10 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cà Mau, thế chấp Hợp đồng tiền gửi và toàn bộ hệ thống xử lý nước thải (xem thuyết minh số V.2a và V.10).

(iii) Khoản vay Trái phiếu thường chi tiết như sau:
- Công ty mẹ: vay có đảm bảo kỳ hạn 24 tháng, tổng mệnh giá 100.000.000.000 VND, lãi suất 11,25%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là 15.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Camimex.
- Công ty Cổ phần Camimex: vay có đảm bảo kỳ hạn 24 tháng, tổng mệnh giá 100.000.000.000 VND, lãi suất 11,25%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là 20.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Camimex.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Số cuối năm			
Vay dài hạn ngân hàng	6.597.461.000	2.828.995.000	3.768.466.000
Vay dài hạn tổ chức khác	6.830.000.000	2.720.000.000	4.110.000.000
Nợ thuê tài chính	36.111.812.901	16.722.207.944	19.389.604.957
Trái phiếu thường	198.732.597.603	198.732.597.603	-
Cộng	**248.271.871.504**	**221.003.800.547**	**27.268.070.957**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	11.328.637.000	4.731.176.000	6.597.461.000
Vay dài hạn tổ chức khác	9.530.000.000	2.700.000.000	6.830.000.000
Nợ thuê tài chính	29.563.916.159	10.283.801.848	19.280.114.311
Trái phiếu thường	195.722.156.117	-	195.722.156.117
Cộng	**246.144.709.276**	**17.714.977.848**	**228.429.731.428**

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Tiền gốc phải trả	16.722.207.944	19.389.604.957	36.111.812.901
Lãi thuê phải trả	2.676.349.966	1.507.056.266	4.183.406.232
Nợ thuê tài chính phải trả	**19.398.557.910**	**20.896.661.223**	**40.295.219.133**
Số đầu năm			
Tiền gốc phải trả	10.283.801.848	19.280.114.311	29.563.916.159
Lãi thuê phải trả	2.244.071.868	754.878.170	2.998.950.038
Nợ thuê tài chính phải trả	**12.527.873.716**	**20.034.992.481**	**32.562.866.197**

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	6.597.461.000	-	-	(2.828.995.000)	3.768.466.000
Vay dài hạn tổ chức khác	6.830.000.000	-	-	(2.720.000.000)	4.110.000.000
Nợ thuê tài chính	19.280.114.311	24.449.974.844	(8.407.809.242)	(15.932.674.956)	19.389.604.957
Trái phiếu thường	195.722.156.117	3.010.441.486	-	(198.732.597.603)	-
Cộng	**228.429.731.428**	**27.460.416.330**	**(8.407.809.242)**	**(220.214.267.559)**	**27.268.070.957**

21c. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán
Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.393.225.065	1.393.225.065
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	394.801.379	394.801.379
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	107.025.472	107.025.472
Cộng	**1.895.051.916**	**1.895.051.916**

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu
Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 02 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ đông góp vốn	1.018.989.900.000	908.175.020.000
Cộng	**1.018.989.900.000**	**908.175.020.000**

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ.2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 22 tháng 4 năm 2022. Số tiền cổ phiếu đã bán được là 11.000.000.000 VND. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 110.814.880.000 VND, ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 49.001.525.483 VND, giảm thặng dư vốn cổ phần 50.750.000.000 VND và giảm quỹ đầu tư phát triển 63.354.517 VND. Ngày 22 tháng 8 năm 2022, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 1.018.989.900.000 VND.

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	101.898.990	90.817.502
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	101.898.990	90.817.502
- *Cổ phiếu phổ thông*	*101.898.990*	*90.817.502*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	101.898.990	90.817.502
- *Cổ phiếu phổ thông*	*101.898.990*	*90.817.502*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	284.435.962	349.255.214
Trên 1 năm đến 5 năm	1.422.179.810	1.397.020.856
Trên 5 năm	5.593.907.253	5.727.785.510
Cộng	**7.300.523.025**	**7.474.061.580**

24b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	169.794,1	37.460,96

24c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Mazzetta	493.754,07	11.373.625.002	493.754,07	11.373.625.002	Không có khả năng thu hồi
Cmc Seafood Corporation	110.000	2.389.180.590	110.000	2.389.180.590	Không có khả năng thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác	96.725,51	5.057.860.962	96.725,51	5.057.860.962	Không có khả năng thu hồi
Cộng		**18.820.666.554**		**18.820.666.554**	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	555.084.729.979	55.335.899.275
Doanh thu bán thành phẩm	2.362.408.437.323	1.974.452.985.983
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.147.569.798	68.010.670.167
Cộng	**2.923.640.737.100**	**2.097.799.555.425**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải		
Bán hàng	14.175.432.392	117.706.782.283
Cung cấp dịch vụ	2.155.827.225	984.025.137
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát		
Bán hàng	92.777.670.000	50.156.832.079
Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú		
Bán hàng	-	57.610.989.068

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	689.282.151	963.677.365
Hàng bán bị trả lại	22.333.280.437	3.124.416.350
Giảm giá hàng bán	510.511.422	66.038.400
Cộng	**23.533.074.010**	**4.154.132.115**

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	508.588.217.188	16.020.250.658
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.020.578.218.023	1.731.912.300.421
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	10.217.316.838	53.843.614.209
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.858.827.205	2.969.142.104
Cộng	**2.541.242.579.254**	**1.804.745.307.392**

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	476.547.945	585.132.108
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	41.960.715	15.589.331
Cổ tức được chia	430.000.000	400.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	44.640.565.896	12.502.214.337
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	13.825.088.006	-
Cộng	**59.414.162.562**	**13.502.935.776**

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	60.847.957.545	46.171.514.160
Chi phí phát hành trái phiếu	3.010.441.486	2.301.584.935
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	58.668.731.113	7.248.432.581
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.856.422.153
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	204.582.117	(1.712.329.451)
Cộng	**122.731.712.261**	**55.865.624.378**

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.146.863.899	5.429.759.144
Chi phí vật liệu, bao bì	174.322.903	421.369.218
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	93.256.142	166.974.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	204.000.000	204.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.496.818.412	71.075.359.568
Các chi phí khác	19.903.487.999	14.622.957.662
Cộng	**119.018.749.355**	**91.920.420.442**

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	25.299.726.097	19.958.016.171
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.128.417.613	3.171.254.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.359.862.601	6.505.545.252
Thuế, phí và lệ phí	449.302.092	873.191.957

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi	35.400.000	1.819.734.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.296.328.195	861.565.628
Các chi phí khác	23.452.403.231	25.939.905.195
Cộng	**63.021.439.829**	**59.129.213.296**

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	175.615.918	512.396.695
Tiền thuê đất được giảm	292.846.069	-
Thu nhập từ xử lý kiểm kê	274.813.784	-
Tiền bồi thường	-	7.991.056.294
Thu nhập từ xử lý công nợ	11.489.720	5.459.301.360
Thu nhập khác	642.972.205	1.412.897.251
Cộng	**1.397.737.696**	**15.375.651.600**

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	117.284	-
Chi phí khấu hao tài sản không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	999.999.996	999.999.996
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	569.654.055
Thuế phạt, bị truy thu, vi phạm hành chính	1.910.324.430	768.226.054
Lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội	2.786.712.070	4.528.410.367
Chi phí khác	2.582.798.358	4.850.283.222
Cộng	**8.279.952.138**	**11.716.573.694**

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	633.861.866	577.631.700
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.897.696.073)	(26.152.356)
Cộng	**(2.263.834.207)**	**551.479.344**

11. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	65.845.613.553	68.160.628.748
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	65.845.613.553	68.160.628.748

Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	101.208.853	48.081.054
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**651**	**1.418**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	90.817.502	30.408.751
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	10.391.351	17.672.303
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**101.208.853**	**48.081.054**

11b. Thông tin khác

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.595 VND xuống còn 1.418 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.754.715.380.237	1.826.997.321.026
Chi phí nhân công	165.552.322.312	128.915.793.382
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.428.610.394	52.096.812.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.781.513.736	100.284.010.526
Chi phí khác	86.782.806.656	89.958.009.442
Cộng	**2.183.260.633.335**	**2.198.251.947.193**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Vay tiền không lãi suất	-	24.675.000.000
Trả tiền vay không lãi suất	-	(25.547.250.000)
Tạm ứng	-	(1.600.200.000)
Hoàn tạm ứng	-	2.600.200.000
Mua cổ phần từ các cổ đông khác	-	7.300.000.000
Ứng trước tiền mua đất	-	2.500.000.000
Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Camimex Foods	-	80.900.000.000
Tạm chia cổ tức	203.619.478	-
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tạm ứng cổ tức	62.996.046	-
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Vay tiền không lãi suất	-	950.000.000
Trả tiền vay	-	1.050.000.000
Bán tài sản được đầu tư từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	32.885.210.814
Bán cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex	-	63.500.000.000
Tạm chia cổ tức	220.486.161	-

Cam kết bảo lãnh

Các thành viên Hội đồng quản trị đã dùng cổ phiếu, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.20a và V.21a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Camimex Group

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	120.000.000	120.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	255.371.663	96.000.000	351.371.663
Ông Bùi Đức Cường - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	257.350.826	93.000.000	350.350.826

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Đặng Ngọc Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	255.368.842	29.866.667	285.235.509
Ông Nguyễn Trọng Hà - Thành viên Hội đồng quản trị	-	96.000.000	96.000.000
Ông Đỗ Văn Hải - Thành viên Hội đồng quản trị	-	66.400.000	66.400.000
Ông Nguyễn Đăng Duẩn - Trưởng Ban kiểm soát	-	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Nghĩ - Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Thắng - Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	48.000.000
Cộng	**768.091.330**	**669.266.667**	**1.437.357.997**
Năm trước			
Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	72.000.000	72.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	232.937.912	60.000.000	292.937.912
Ông Bùi Đức Cường - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	234.665.829	60.000.000	294.665.829
Ông Đặng Ngọc Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	234.665.829	60.000.000	294.665.829
Ông Nguyễn Trọng Hà - Thành viên Hội đồng quản trị	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Đăng Duẩn - Trưởng Ban kiểm soát	-	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Nghĩ - Thành viên Ban kiểm soát	-	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Thắng - Thành viên Ban kiểm soát	-	36.000.000	36.000.000
Cộng	**702.269.570**	**432.000.000**	**1.134.269.570**

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Camimex - Nutrition	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	Công ty có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	Công ty có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Thủy sản Ngân Thiên Phú	Công ty liên quan của thành viên Hội đồng quản trị của công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác không phải là Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải		
Mua hàng	37.874.796.086	125.500.788.151
Phí dịch vụ vận chuyển	2.138.830.000	486.200.000
Bán tài sản cố định	850.000.000	-
Vay tiền không lãi suất	-	113.786.900.000
Trả tiền vay không lãi suất	-	(128.298.729.297)
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát		
Chi phí gia công	2.786.973.768	267.455.900
Mua hàng	102.747.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Tập đoàn công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.15 và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là hoạt động thủy sản gồm: Chế biến hàng thuỷ sản, gia công hàng thuỷ sản, mua bán hàng thuỷ sản và nuôi trồng thuỷ sản. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	1.129.907.463.321	650.630.660.153
Nước ngoài	1.770.200.199.769	1.443.014.763.157
Cộng	**2.900.107.663.090**	**2.093.645.423.310**

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Trần Quốc Phong	Huỳnh Công Nhân	Huỳnh Văn Tấn
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm khác (*)	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.461.321.029	-	3.308.400.627	(3.630.078.110)	-	1.139.643.546	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	6.258.106.097	-	-	-	-	6.258.106.097
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.499.632.711	-	17.438.017.305	(12.081.721.173)	(292.846.069)	19.563.082.774	-
Thuế thu nhập cá nhân	681.197.807	214.342.034	1.499.249.005	(981.302.818)	-	995.560.630	10.758.670
Thuế tài nguyên	15.849.200	-	128.527.200	(137.823.200)	-	6.553.200	-
Thuế nhà đất	-	-	18.755.100	(18.755.100)	-	-	-
Tiền thuê đất	-	-	14.496.583.412	(14.354.365.431)	-	142.217.981	-
Các loại thuế khác	-	-	71.965.699	(71.965.699)	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	798.386.703	(492.793.965)	-	305.592.738	-
Cộng	**16.658.000.747**	**6.472.448.131**	**37.759.885.051**	**(31.768.805.496)**	**(292.846.069)**	**22.152.650.869**	**6.268.864.767**

(*) Bù trừ theo Quyết định số 684/QĐ-CTCMA ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Cà Mau về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước.

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Trần Quốc Phong	Huỳnh Công Nhân	Huỳnh Văn Tấn
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	304.087.510.000	5.106.126.126	542.933.836	48.597.749.007	199.359.784.380	557.694.103.349
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	68.160.628.748	15.363.560.932	83.524.189.680
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong năm trước	604.087.510.000	50.750.000.000	-	-	-	654.837.510.000
Tăng vốn tại Công ty con	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Số dư cuối năm trước	**908.175.020.000**	**55.856.126.126**	**542.933.836**	**116.758.377.755**	**214.823.345.312**	**1.296.155.803.029**
Số dư đầu năm nay	908.175.020.000	55.856.126.126	542.933.836	116.758.377.755	214.823.345.312	1.296.155.803.029
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong năm nay	11.000.000.000	-	-	-	-	11.000.000.000
Tăng vốn từ lợi nhuận trong năm nay	49.001.525.483	-	-	(49.001.525.483)	-	-
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần trong năm nay	50.750.000.000	(50.750.000.000)	-	-	-	-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển trong năm nay	63.354.517	-	(63.354.517)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	65.845.613.553	25.033.171.929	90.878.785.482
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(2.984.183.662)	(2.984.183.662)
Số dư cuối năm nay	**1.018.989.900.000**	**5.106.126.126**	**479.579.319**	**133.602.465.825**	**236.872.333.579**	**1.395.050.404.849**

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Quốc Phong	Huỳnh Công Nhân	Huỳnh Văn Tấn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Cà Mau, ngày 19 tháng 04 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÙI SĨ TUẤN